# MỞ ĐẦU

## 1. Sự cần thiết

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của mỗi doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh, thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm qua đã tạo ra được những bước tiến vững mạnh. Đặc biệt nước ta ra nhập tổ chức thương mại WTO mở ra nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế nhưng cũng có không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Vì vậy mỗi doanh nghiệp muốn phát triển tốt cần phải có một hệ thống kế toán hoàn chỉnh, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Để cạnh tranh thắng lợi trong cơ chế thị trường Công ty TNHH Hoàng Liên luôn quan tâm, tìm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh và đặc biệt chú trọng các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết qủa kinh doanh.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Hoàng Liên nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên.

## 2. Mục đích nghiên cứu

Một là: Nghiên cứu hệ thống hoá để làm rõ những nhận thức chung nhất về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Hai là: Để thấy rõ được tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên.

Ba là: Những lý luận chung, tình thình thực tế của Công ty để đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu và hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên.

**4.Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.**

Về mặt khoa học, khóa luận hệ thống hóa và phân tích được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của đề tài được áp dụng để nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên. Mặt khác, kết quả có thể ứng dụng trong đơn vị kế toán có đặc điểm tương tự với đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

**5. Kết cấu của khoá luận.**

***Chương 1***: Tổng quan về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

***Chương 2***: Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên.

***Chương 3***: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Liên.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và giáo viên hướng dẫn (Thạc sĩ: Hoàng Thị Ngà). Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên bài khoá luận của em khó tránh khỏi những thiếu xót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

# CHƯƠNG 1:
# TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

## 1.1 Nội dung và nhiệm vụ kế toán

### 1.1.1 Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu

#### *1.1.1.1 Khái niệm*

Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

#### 1.1.1.2 Các loại doanh thu, điều kiện ghi nhận doanh thu và phương thức bán hàng.

***a, Các loại doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.***

****/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát triển doanh thu như bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện.

- Doanh thu bán các thành phẩm: Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm( Thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoã mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khă năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+ Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Là các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Là doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

****/ Doanh thu bán hàng nội bộ.***

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ, nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hach toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

****/ Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn có quyền nhận lợi nhuận).

****/ Thu nhập khác***

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vắng chủ hay nợ không ai đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

***b, Các phương thức bán hàng***

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài

chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

→ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, đối với hàng hóa thì kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Còn đối với tài sản cố định thì kế toán ghi tăng tài sản cố định.

*Doanh thu sản phẩm đem trao đổi* = *Số lượng sản phẩm đem trao đổi* * *Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi*

### *1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp:*

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu.**

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng.

- Hàng bán bị trả lại: hàng bán bị trả lại được tính là khoản giảm trừ doanh thu là phần doanh thu của số hàng đã bán, chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: Không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: khi tính thuế theo phương pháp trực tiếp doanh thu và thuế không tách biệt trên hóa đơn, vì vậy trong doanh thu đã có thuế rồi nên khi xác định doanh thu thuần thì phải giảm trừ phần thuế GTGT có trong doanh thu ra.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá…

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam và khi bán hàng cho khu chế xuất. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

### 1.1.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa tổng thu nhập thuần với tổng số chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện

* công thức xác định:

Kết quả hoạt động kinh doanh = Tổng thu – Tổng chi

Trong đó :

- Tổng thu gồm :
  + Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ;
  + Doanh thu hoạt động tài chính;
  + Doanh thu nội bộ;
  + Doanh thu khác;
- Tổng chi gồm:
  + Giá vốn hàng bán;
  + Chi phí tài chính;
  + Chi phí bán hàng;
  + Chi phí quản lí doanh nghiệp;
  + Chi phí khác;
  + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

Nếu chưa kể đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thì kết quả nêu trên là lợi nhuận kế toán trước thuế( còn gọi là lợi nhuận hiện thực). Đây là chỉ tiêu được quan tâm chủ yếu trong kế toán quản trị ; nếu đã bù đắp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thì kết quả nêu trên là lợi nhuận sau thuế, đây là chỉ tiêu được quan tâm trong kế toán tài chính.

Sở dĩ trong kế toán quả trị, lợi nhuận kế toán trước thuế là chỉ tiêu kết quả được quan tâm hơn xuất phát từ mục tiêu của các nhà quản trị là tìm ra các giải pháp nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nước nhà, khó có thể tác động giảm chỉ tiêu này, do vậy muốn tối đa hóa lợi nhuận chỉ còn cách tìm ra các giải pháp tác động nhằm tăng lợi nhuận kế toán trước thuế. Trong khi đó, các đối tượng nhận thông tin kế toán tài chính không chỉ quan tâm đến lợi nhuận của doanh nghiệp mà còn quan tâm đến việc doanh nghiệp đóng góp vào ngân sách nhà nước như thế nào thông qua việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, do vậy chỉ tiêu được quan tâm hơn trong kế toán tài chính đó là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cách xác định các chỉ tiêu này như sau:

- Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế = lợi nhuận kế toán trước thuế - thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận kế toán trước thuế

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | = | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | + | Lợi nhuận khác |

- lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | = | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | + | Doanh thu hoạt động tài chính | - | Chi phí tài chính | - | Chi phí bán hàng | - | Chi phí quản lí doanh nghiệp |

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | = | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | Giá vôn hàng bán |

- lợi nhuận khác:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận khác | = | Thu nhập khác | - | Chi phí khác |

### 1.1.3 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

#### 1.1.3.1 Vai trò của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư…sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

**1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có, biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

## 1.2 Quy trình hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.1 Quy trình hạch toán kế toán doanh thu

***Chứng từ sử dụng***

Doanh thu thể hiện việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu để ghi nhận các khoản thu bằng tiền
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

***Tài khoản sử dụng***

✓*Tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

**- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:**

***Bên nợ***

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;

+Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

***Bên có***

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

***Tài khoản 511 chi tiết thành :***

Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

***Hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

Không hạch toán vào TK 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa Công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhau giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (Chưa được xác định là đã bán).

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Trường hợp 1: Hạch toán doanh thu bán hàng trực tiếp.

Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại quầy hay tại các bộ phận sản xuất. Số hàng khi giao cho khách được chính thức coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng người bán đã giao.

Trường hợp 2: gửi hàng chờ chấp nhận.

Căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế, doanh nghiệp tiến hành xuất kho sản phẩm, hàng hóa chuyển cho khách hàng. Nhưng chưa được ghi nhận doanh thu ngay, kế toán chỉ được ghi nhận doanh thu khi bên kia chấp nhận mua hàng. Kế toán sử dụng các chứng từ tương tự như trường hợp bán hàng trực tiếp.

Trường hợp 3: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đại lý, ký gửi.

Phương thức này bên bán xuất giao hàng cho các đơn vị cá nhân làm đại lý. Số hàng gửi giao đại lý vẫn thuộc sở hữu của đơn vị, chỉ khi nhận được thông báo của các đại lý thì số hàng gửi đại lý mới chính thức được coi là tiêu thụ và chủ hàng phải trả hoa hồng cho đại lý (tính vào TK 641), đại lý được hưởng hoa hồng (tính vào doanh thu).

Trường hợp 4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

Phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho khách và đổi lại khách hàng giao lại cho doanh nghiệp vật tư, hàng hoá với giá trị tương ứng.

Trường hợp 5: Trường hợp phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu:

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại: Kế toán sẽ ghi rõ trên hóa đơn bán hàng thông thường hoặc hóa đơn GTGT tỷ lệ % hoặc mức giảm giá và giá bán ghi trên hóa đơn là giá đã giảm giá.

- Hàng bán bị trả lại: Kế toán căn cứ vào hoá đơn trả lại hàng của khách hàng để hạch toán. Đơn giá trên hóa đơn trả lại hàng phải đúng với đơn giá trên hóa đơn bán hàng của doanh nghiệp.

- Giảm giá hàng bán: Kế toán phải xuất hóa đơn thứ hai ghi rõ mức điều chỉnh giảm giá cho hóa đơn thứ nhất.

***) Quy trình hạch toán**: từ các đơn đặt hàng → phiếu xuất kho → hóa đơn → phiếu thu( nếu thu bằng tiền mặt), giấy báo có (nếu thu bằng chuyển khoản) → sổ kế toán ( sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 511 và sổ tổng hợp chi tiêt) → bảng báo cáo kết quả kinh doanh( chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

**Biểu số 1.2.1: đơn đặt hàng**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------ꕥ----------

Đơn đặt hàng
*Số:*

*Kính gửi:*

Công ty ……có nhu cầu đặt hàng tại quý công ty theo mẫu yêu cầu.

Nội dung đặt hàng như sau:

| STT | Tên mặt hàng | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | *Tổng cộng:* | | | | |

Thời gian giao hàng:.....
.....
.....
Địa điểm giao hàng: .....
.....
.....
Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thanh toán trước 50% giá trị hợp đồng, 50% còn lại thanh toán sau khi giao hàng.

*ngày tháng năm*

**Giám đốc công ty**

**Biểu số: 1.2.2**

Đơn vị……..
Bộ phận……..

Mẫu 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày … tháng … năm …
Số:
Họ và tên người nhận hàng :
Địa chỉ :
Lý do xuất kho :
Xuất tại kho (ngăn lô) :

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | | | | |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):
-Số chứng từ gốc kèm theo:
.....

Ngày… tháng…. năm ….

| **Người lập phiếu** | **Người nhận hàng** | **Thủ kho** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, hộ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Lập phiếu xuất kho nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ và kiểm tra việc sử dụng, thực hiện định mức tiêu hao vật tư.

Phiếu xuất kho do các bộ phận xin lĩnh hoặc do bộ phận quản lý, bộ phận kho lập(tùy theo tổ chức quản lí và quy định của từng doanh nghiệp) thành 3 liên ( đặt giấy than viết 1 lần). Sau khi lập phiếu xong người lập phiếu và kế toán trưởng ký xong chuyển cho giám đốc hoặc người được ủy quyền duyệt( ghi rõ họ tên) giao cho người nhận cầm phiếu xuất kho xuống kho để nhận hàng. Sau khi xuất kho thủ kho ghi vào cột 2 số lượng thưc xuất của từng thứ, ghi ngày tháng, năm xuất kho và cùng người nhận hàng ký tên vào phiếu xuất( ghi rõ họ tên)

Liên 1: lưu ở bộ phận lập phiếu

Liên 2 : Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để kế toán ghi vào côt 3,4 và ghi vào sổ kế toán

Liên 3 : Người nhận vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa giữ để theo dõi ở bộ phận sản xuất.

Sau đó kế toán viết hóa đơn GTGT mẫu số 01 GTKT -3LL

**Biểu số 1.2.3**

**HOÁ ĐƠN** Mẫu số:01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Số HĐ:

Liên 3: Nội bộ

Ngày tháng năm

Đơn vị bán hàng.....

Địa chỉ: : ……..

Số tài khoản: .....

Điên thoại: .....MS:

Họ tên người mua hàng.....

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ.....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: TM .....MS:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng | | | | | |
| Thuế GTGT: Tiền thuế GTGT: | | | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | |
| Số tiền viết bằng chữ: | | | | | |

| **Người mua hàng** | **Người bán hàng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(Ký,ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)* |

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

**Liên 1**: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn

**Liên 2**: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

**Liên 3**: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), lệ phí dầu (đối với Hoá đơn bán dầu), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT -3L), Phiếu xuất theo mẫu 02 - VT để viết phiếu thu (nếu thu bằng tiền mặt) hoặc ,giấy báo có nếu thu bằng tiền chuyển khoản

**Biểu số 1.2.4**

Đơn vi: ……

Địa chỉ: ……

**Mẫu số: 01 – TT**

( Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính)

**PHIẾU THU**

Ngày… tháng … năm

| | |
|---|---|
| Số | : ….. |
| Nợ | : ….. |
| Có | : ….. |

Họ tên người nộp tiền:…….

Địa chỉ:…….

Lý do nộp: ……..

Số tiền : …….

Bằng chữ: …….

Kèm theo: ….. chứng từ gốc.

Ngày… tháng… năm …

| **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người nộp tiền** | **Người lập phiếu** | **thủ quỹ** |
|---|---|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):……

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):…….

+ Số tiền quy đổi:…….

Kế toán lập phiếu thu nhằm mục đích xác định số tiền mặt, ngoại tệ …thực tế nhập quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ thu tiền, ghi sổ quỹ, kế toán ghi sổ các khoản thu có liên quan. Mọi khoản tiền việt nam, ngoại tệ nhập quỹ đều phải có phiếu thu

Đối với ngoại tệ trước khi nhập quỹ phải được kiểm tra và lập " bảng kê ngoại tệ" đính kèm với phiếu thu.

**Biểu số 1.2.5**

Tên Đơn Vị: ……

MÃ GDV:……

Mã KH:……..

Số GD: ……..

GIẤY BÁO CÓ

Ngày … tháng …năm…

Kính gửi : ……..

Mã số thuế: ……

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ : ……

Số tiền bằng số……

Số tiền bằng chữ …….

Nội dung …….

| Giao dịch viên | kiểm soát |
|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Từ những chứng từ kể trên kế toán lấy số liệu để vào các sổ kế toán. Mỗi hình thức kế toán sử dụng các loại sổ sách kế toán khác nhau. Tùy từng doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán nào thì sẽ sử dụng các loại sổ sách liên quan đến hình thức đó.

**- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:**

Sơ đồ 1.4.2 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

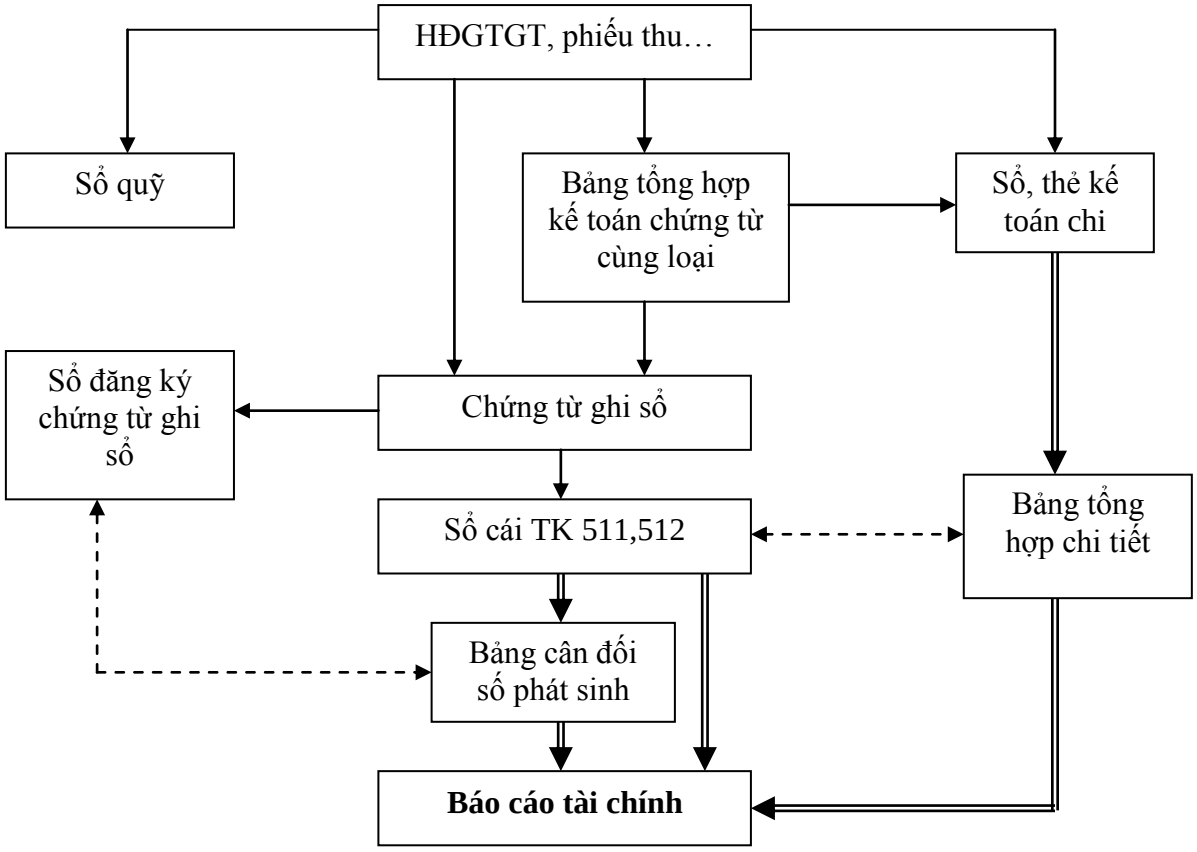


Ghi chú :

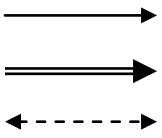

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán như hóa đơn GTGT, phiếu thu..hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ để ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02a- DN). căn cứ vào chứng từ ghi sổ để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02b- DN)

sau đó dùng để ghi sổ cái TK 511 (Mẫu số S02c1- DN). Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ kế toán chi tiết tài khoản. căn cứ vào sổ kế toán chi tiết cuối tháng kế toán lập sổ tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết( được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh kế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ vừa để kiểm tra đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

- Sổ cái là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp. Số liêu ghi trên sổ cái dùng để kiểm tra đối chiếu với số liệu ghi trên bảng tổng hợp chi tiết hoặc sổ thẻ kế toán chi tiết và dùng để lập bảng cân đối số phát sinh và vào báo cáo tài chính .

**- Hình thưc kế toán nhật kí chung;**

Hình thức này phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ NKC lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái TK 511 Mỗi bút toán phản ánh trong sổ NKC được chuyển vào sổ cái ít nhất cho hai TK có liên quan.

Việc áp dụng hình thức kế toán nào là tuỳ thuộc vào quy mô, đặc điểm kinh doanh và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Mỗi hình thức kế toán có những nhược điểm, ưu điểm và điều kiện áp dụng nhất định vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

Sơ đồ 1.4.4 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC.

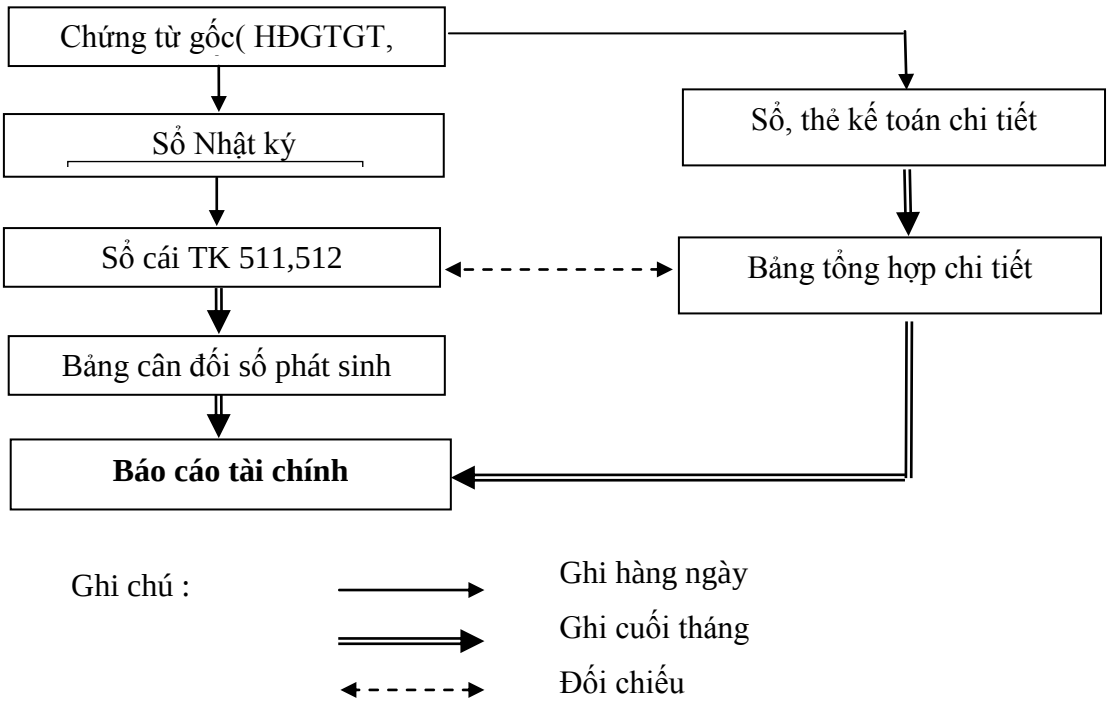


Hàng ngày từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT , phiếu thu Mẫu số: 01 – TT Kế toán vào nhật kí chung (Mẫu số S03a – DN). Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo tài khoản 511 (Mẫu số S03b – DN) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết

được dùng để lập báo cáo tài chính( chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

- Sổ nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo thứ tự thời gian đồng thời phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi sổ cái. Số liệu ghi trên sổ nhật ký chung được dùng làm căn để ghi sổ cái.

Về nguyên tắc thì tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung. Tuy nhiên trong trường hợp một hoặc một số đối tượng kế toán có số lượng phát sinh lớn, để đơn giản và giảm bớt khối lượng khi ghi sổ cái, doanh nghiệp có thể mở sổ nhật ký đặc biệt để ghi riêng các nghiệp vụ kinh tế đó. Sổ nhật ký đặc biệt là một phần của nhật ký chung nên phương phát ghi chép tương tự như sổ nhật ký chung. Song để tránh sự trùng lặp thì các nghiệp vụ đã ghi sổ nhật ký đặc biệt thì không ghi vào sổ nhật ký chung. Trường hợp này căn cứ để ghi sổ cái là sổ nhật ký đặc biệt và nhật ký chung.

**- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:**

Hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ cái.

Sơ đồ 1.4.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái.

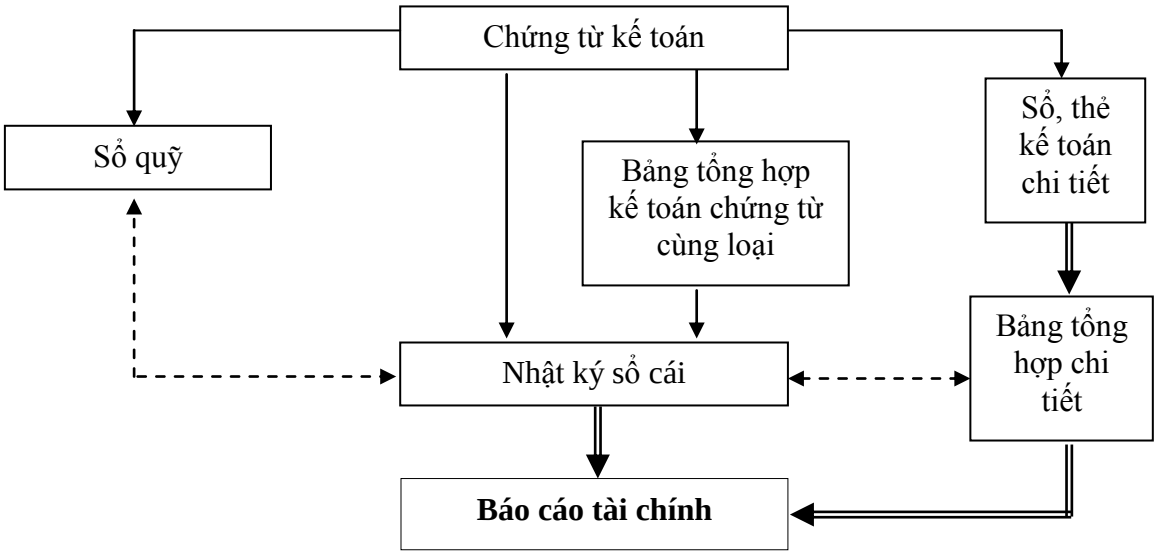


Ghi chú :

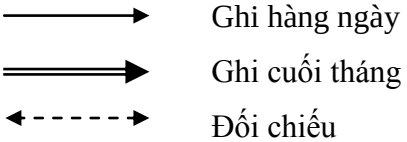


Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng tù kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng tù kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ, trước hết xác định tài khoản dư nợ và tài khoản dư có để ghi vào sổ nhật ký- sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng ở cả 2 phần nhật ký và sổ cái . Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại ( phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập…) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ một đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ nhật ký- sổ cái, được dùng để vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký- sổ cái (mẫu số S01- DN )và các sổ thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh tháng trước và phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý

đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng( đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số phát sinh cuối tháng của từng tài khoản trên sổ nhật ký-sổ cái

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng để lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản .

Số liệu trên sổ nhật ký sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính.

**- Hình thức Nhật ký - Chứng từ**

Hình thức này thích hợp với doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều và điều kiện hạch toán thủ công, dễ chuyên môn hoá cán bộ kế toán. Tuy nhiên đòi hỏi nghiệp vụ kế toán phải cao.

Sổ sách hình thức này bao gồm: Sổ Nhật ký - Chứng từ, Sổ cái, Bảng kê, Bảng phân bổ, Sổ chi tiết.

Sơ đồ 1.4.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

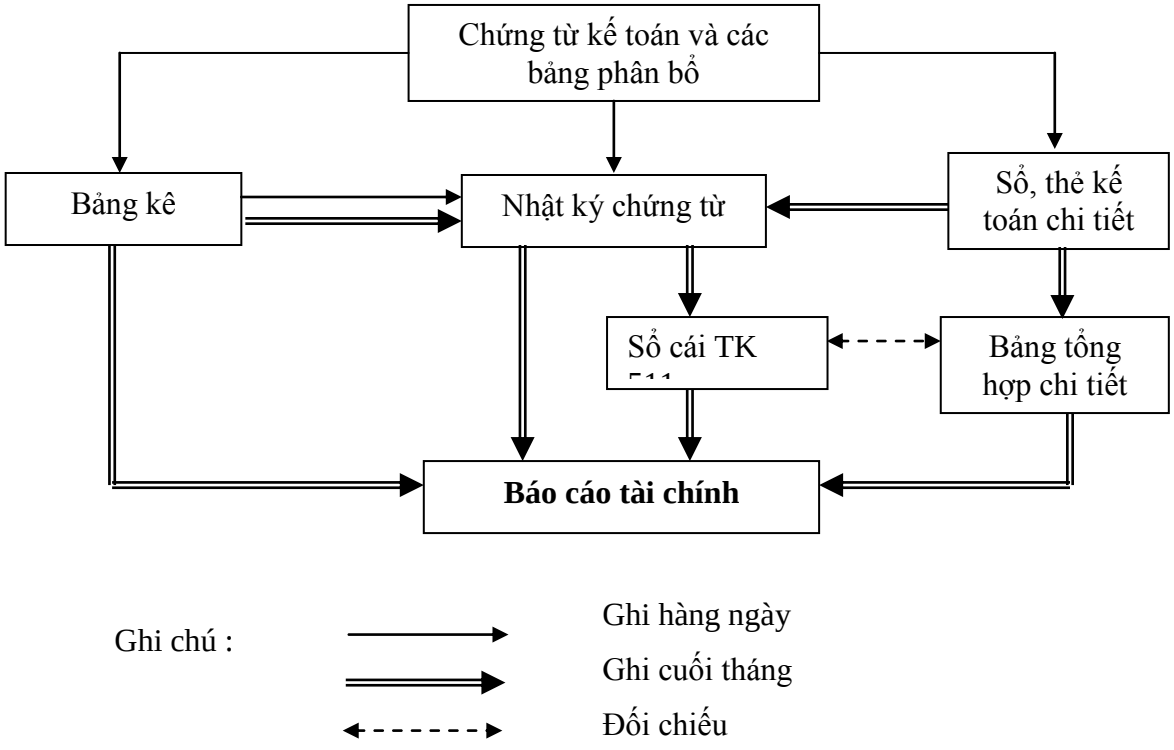

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ số 8 hoặc các bảng kê số 1, số 2, số 11 sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết TK 511…

Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng trên nhật ký chứng từ để vào sổ cái TK 511.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập cáo cáo tài chính( chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

- **Hình thức kế toán trên máy vi tính.**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mền trên máy vi tính. Phần mền kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và BCTC theo quy định.

***Sơ đồ 1.4.5:***

***Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy***

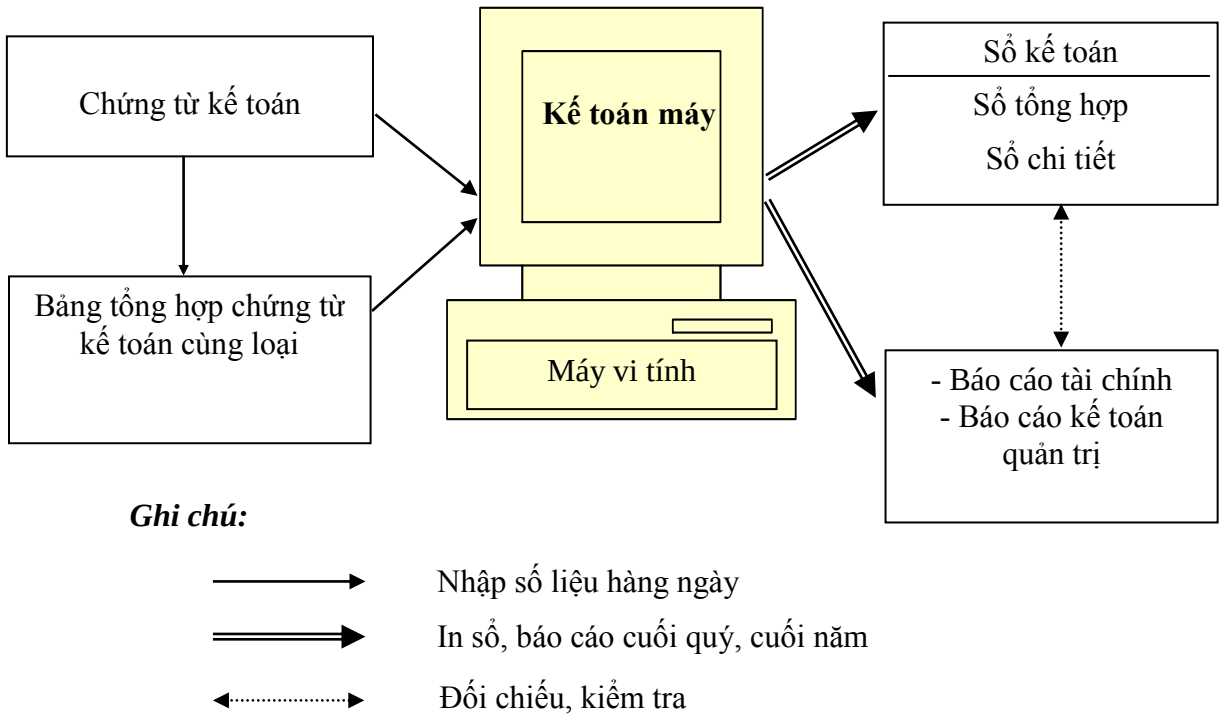


Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ chứng từ kế toán cùng loại được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mền kế toán.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ .

***Sơ đồ số 1.2:***

KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

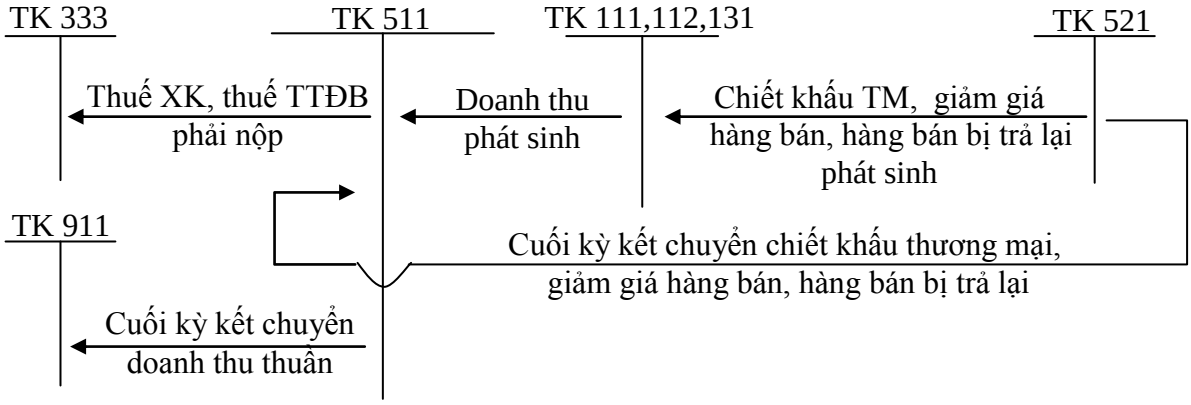


### 1.2.2 Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Giá vốn hàng bán:

a, Tài khoản sử dung:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

b, Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:

Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

c, Các phương pháp tính giá xuất kho

Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào:

*Trị giá thực tế tài sản mua vào* = *Trị giá mua ghi trên hóa đơn* + *Chi phí thu mua thực tế phát sinh* + *Thuế không được hoàn lại* - *Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng*

Kế toán tính trị giá hàng hóa đã tiêu thụ:

*Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất bán tiền thu trong kỳ* = *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa còn lại đầu kỳ* + *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua vào trong kỳ* - *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa gửi bán trong kỳ* - *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn kho còn lại cuối kỳ*

Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

– ***Phương pháp bình quân gia quyền :***

*Trị giá vốn hàng xuất kho* = *Lượng hàng xuất kho* × *Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền*

Giá vốn bình quân giá quyền lại có thể được tính theo một trong hai cách sau:

Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\textit{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \textit{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\textit{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \textit{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\textit{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập i} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\textit{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

$$\textit{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần xuất j} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất}}{\textit{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất}}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kề trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

– ***Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*** kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

– ***Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):*** kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

– ***Phương pháp thực tế đích danh:*** giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

đ ,Quy trình kế toán giá vốn:

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Từ phiếu xuất kho hàng ngày kế toán vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632, Sổ chi tiết TK 632 cuối tháng hoặc cuối quý vào Sổ cái TK 632 cuối quý lập Bảng cân đối số phát sinh Từ Sổ cái 632, Bảng cân đối số phát sinh kể trên. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 4 (Giá vốn hàng bán) trên Báo cáo kết quả kinh doanh …

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: từ phiếu xuất kho hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632, Sổ chi tiết TK 632 từ sổ chi tiết kế toán lập sổ tổng hợp chi tiết đến cuối tháng hoặc cuối quý lập sổ cái TK 632 Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 4 (Giá vốn hàng bán) trên Báo cáo kết quả kinh doanh …

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: : từ phiếu xuất kho kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632, Sổ chi tiết TK 632 cuối tháng hoặc cuối quý kế toán lập Sổ cái TK 632, Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 4 (Giá vốn hàng bán) trên Báo cáo kết quả kinh doanh …

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: Từ phiếu xuất kho kế toán vào Bảng kê số 8, số 10, Nhật ký - Chứng từ số 8, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632, Sổ chi tiết TK 632, cuối tháng hoặc cuối quý kế toán lập Sổ cái TK 632 Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 4 (Giá vốn hàng bán) trên Báo cáo kết quả kinh doanh …

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: từ các nghiệp vụ kế toán phát sinh kế toán nhập số lệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mền kế toán.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính

**** Doanh thu hoạt động tài chính***

a, Tài khoản sử dụng*:*

Tài khoản sử dụng : Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết câu TK 511

***- Bên Nợ:***

+ Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

***- Bên Có:***

+ Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

– Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân Hàng, lãi bán hàng trả chậm, ...

– Cổ tức, lợi nhuận được chia;

– Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;

– Lãi tỷ giá hối đoái, Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

– Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

– Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

***b,*** Một số quy định khi hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên Tài khoản 515 bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

c,Quy trình kế toán doanh thu tài chính :

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Từ Phiếu thu, Giấy báo có …hàng ngày kế toán vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 515 cuối tháng hoặc cuối quý vào Sổ cái TK 515 cuối quý lập Bảng cân đối số phát sinh Từ Sổ cái 515, Bảng cân đối số phát sinh kể trên. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 6 (Doanh thu hoạt động tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Từ Phiếu thu, Giấy báo có …hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi tiết TK 515 từ sổ chi tiết kế toán lập sổ tổng hợp chi tiết đến cuối tháng hoặc cuối quý lập sổ cái TK 515. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 6 (Doanh thu hoạt động tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: : Từ Phiếu thu, Giấy báo có …kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 515 cuối tháng hoặc cuối quý kế toán lập Sổ cái TK 515, Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 6 (Doanh thu hoạt động tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: : Phiếu thu, Giấy báo có …Nhật ký - Chứng từ số 8, Sổ chi tiết đầu tư chứng khoán, Sổ chi tiết TK 515,cuối tháng kế toán lập Sổ cái TK 515.Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 6 (Doanh thu hoạt động tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: từ các nghiệp vụ kế toán phát sinh kế toán nhập số lệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mền kế toán.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính

**** chi phí tài chính**;*

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh,chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

***Tài khoản sử dụng:***

**TK 635: Chi phí tài chính**

***- Bên Nợ:***

+ Các khoản chi phí hoạt động tài chính;

+ Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;

+ Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ:

+ Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ:

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

***- Bên Có:***

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

Quy trình kế toán doanh thu tài chính :

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Phiếu chi, Giấy báo nợ …hàng ngày kế toán vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 635 cuối tháng hoặc cuối quý vào Sổ cái TK 635 cuối quý lập Bảng cân đối số phát sinh Từ Sổ cái 635, Bảng cân đối số phát sinh kể trên. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 7 (Chi phí tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Phiếu chi, Giấy báo nợ hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi tiết TK 635. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 7 (Chi phí tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: : Phiếu chi, Giấy báo nợ …kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 635 cuối tháng hoặc cuối quý kế toán lập Sổ cái TK 635, Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 7 (Chi phí tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: Phiếu chi, Giấy báo nợ …kế toán vào Bảng kê số 6, số 11, Nhật ký - Chứng từ số 1, số 2, số 8, số 10, Sổ chi tiết tiền vay, Sổ chi tiết TK 635,cuối tháng kế toán lập sổ cái TK 635. Cuối năm kế toán lấy số liệu để để lập chỉ tiêu 7 (Chi phí tài chính) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: từ các nghiệp vụ kế toán phát sinh kế toán nhập số lệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mền kế toán.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính

* chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

***Chi phí bán hàng***:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

***Chi phí quản lý doanh nghiệp:***

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phi nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

***Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:***

**TK 641: Chi phí bán hàng:**

***- Bên Nợ:***

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

***- Bên Có:***

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

***- Bên Nợ:***

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

***- Bên Có:***

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- *Quy trình kế toán:*

- Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng chấm công, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng thanh toán tiền lương; Phiếu xuất kho, Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Hóa đơn điện, nước, điện thoại, Phiếu chi, Giấy báo nợ…

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Từ các chứng từ gốc như bảng phân bổ lương, bảng tính và phân bổ khấu hao… hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 641, TK 642, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 641, TK 642, cuối tháng kế toán lập Sổ cái TK 641, TK 642, Bảng cân đối số phát sinh cuối năm kế toán lấy số liệu trên sổ cái để lập chỉ tiêu 8 và 9 (Chi phí bán hàng,quản lý doanh nghiệp) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Từ các chứng từ gốc như bảng phân bổ lương, bảng tính và phân bổ khấu hao… hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi tiết TK 642, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 642. cuối

năm kế toán lấy số liệu trên sổ cái để lập chỉ tiêu 8 và 9 (Chi phí bán hàng,quản lý doanh nghiệp) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Từ các chứng từ gốc như bảng phân bổ lương, bảng tính và phân bổ khấu hao kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 642, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 642, Sổ cái TK 642, Bảng cân đối số phát sinh.cuối năm kế toán lấy số liệu trên sổ cái để lập chỉ tiêu 8 và 9 (Chi phí bán hàng,quản lý doanh nghiệp) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: từ các chứng từ gốc kế toán vào Bảng kê số 5, Nhật ký - Chứng từ số 8, Sổ chi tiết tiền vay, Sổ chi tiết TK 642, Sổ cái TK 642. Cuối năm kế toán lấy số liệu trên sổ cái để lập chỉ tiêu 8 và 9 (Chi phí bán hàng,quản lý doanh nghiệp) trên Báo cáo kết quả kinh doanh

. + Hình thức kế toán trên máy vi tính: từ chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào máy cuối tháng khóa sổ và in các sổ Sổ chi tiết TK 642, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 642, Sổ cái TK 642, Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**** Kế toán thu nhập khác:***

- *Thu nhập khác:*

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

- Các khoản thuế do ngân sách Nhà nước hoàn lại.

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có). Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân cho doanh nghiệp.

- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**- Kết cấu của tài khoản thu nhập khác như sau:**

***Bên Nợ:***

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

******* *Quy trình kế toán:*

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Từ Phiếu thu, Giấy báo có, Biên bản thanh lý TSCĐ..hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 711,cuối tháng vào Sổ cái TK 711, Bảng cân đối số phát sinh…

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi tiết TK 711..

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 711, Sổ cái TK 711, Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái 711, Bảng cân đối số phát sinh kể trên, cuối năm kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 11 (Thu nhập khác) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: Từ Phiếu thu, Giấy báo có, Biên bản thanh lý TSCĐ kế toán vào Bảng kê số 1, số 2, số 11, Nhật ký - Chứng từ số 8, Sổ chi tiết TK 711, Sổ cái TK 711...cuối năm căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán lập chỉ tiêu 11( thu nhập khác) trên báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: Từ các số liệu, chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào máy tính cuôi tháng khóa sổ và in các sổ cần thiết.

*** chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

***Tài khoản sử dụng:*** **TK 811 - Chi phí khác**

***- Bên Nợ:***

+ Các khoản chi phí khác phát sinh

***- Bên Có:***

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

- *Quy trình kế toán:*

- Sổ sách kế toán sử dụng:

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung: Từ Phiếu chi, Giấy báo nợ, Biên bản thanh lý TSCĐ …hàng ngày kế toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 811 cuối tháng kế toán lập Sổ cái TK 811, Bảng cân đối số phát sinh cuối năm từ Sổ cái 811, Bảng cân đối số phát sinh kể trên, kế toán lấy số liệu để lập chỉ tiêu 12 (Chi phí khác) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Từ Phiếu chi, Giấy báo nợ, Biên bản thanh lý TSCĐ kế toán vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, Sổ chi tiết TK 811. Cuối năm căn cứ vào sổ nhật ký- Sổ cái để lập chỉ tiêu 12 (Chi phí khác) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Từ phiếu chi, Giấy báo nợ, biên bản thanh lý TSCĐ…kế toán vào các Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 811, Sổ cái TK 811, Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào sổ cái để lập chỉ tiêu 12 (Chi phí khác) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: Từ phiếu chi, Giấy báo nợ, biên bản thanh lý TSCĐ…kế toán vào Nhật ký - Chứng từ số 1, số 2, số 8, số 9, Sổ chi tiết TK 811, Sổ cái TK 811.Cuối năm căn cứ vào sổ cái để lập chỉ tiêu 12 (Chi phí khác) trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: Từ các chứng từ, số liệu gốc kê toán nhập số liệu vào máy tính, cuối tháng khóa sổ và in các sổ Sổ chi tiết TK 811, Sổ cái TK 811, Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo kết quả kinh doanh.

**** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:***

*Tài khoản 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"* dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát

sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

***Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:***

*Bên nợ:*

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hàng phát sinh trong năm.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

*Bên có:*

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

+ Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

***TK 821 không có số dư cuối kỳ.***

***Hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.***

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN.

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN hiện hành phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN hiện hành. Nếu số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập hiện hành là

số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm phát hiện sai sót.

Cuối năm tài chính kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911 – "Xác định kết quả kinh doanh" để xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí thuế thu = Lợi nhuận trước thuế x Thuế suất thuế TNDN

**** Xác định kết quả kinh doanh.***

*Quy trình kế toán:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản Xác định kết quả kinh doanh → kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý nhượng bán bất động sản → kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác → kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác → kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211) → kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có TK 8212 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" → kết chuyển chi phí bán hàng → kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp → tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh hoặc Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh.

Kết cấu TK 911

***Bên Nợ:***

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

+ Chi phí hoạt động tài chính,chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác.

+ Kết chuyển lãi.

***Bên có:***

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- ***TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối***: Dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp.

***Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:***

*Bên Nợ:*

+ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

+ Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

*Bên Có:*

+ Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên cấp bù.

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

***TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.***

Số dư Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa được xử lý.

Số dư Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

**Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

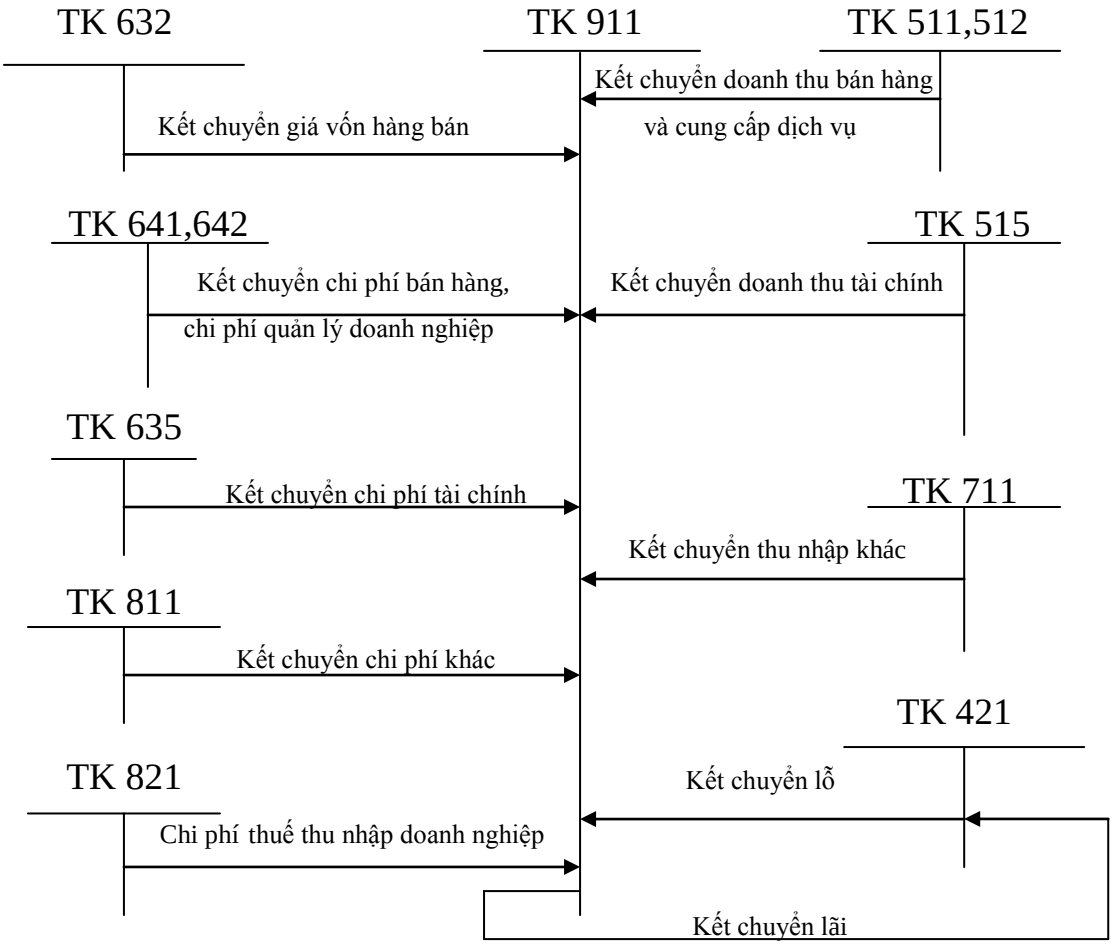

**1.3 Hình thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.**

Bộ máy kế toán là tập hợp những cán bộ, nhân viên kế toán cùng với những trang thiết bị, phương tiện, kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán thực hiện nhiều khâu công việc kế toán (phần hành kế toán). Các chủ doanh nghiệp và kế toán trưởng căn cứ vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mình để lựa chọn một mô hình hợp lý nhất.

***1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung.***

Theo mô hình này, toàn doanh nghiệp tổ chức một phòng kế toán (ở đơn vị chính) làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn doanh nghiệp. Ở các đơn vị phụ thuộc chỉ bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và xử lý sơ bộ chứng từ, gửi các chứng từ về phòng kế toán của doanh nghiệp theo đúng định kỳ.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động tập trung và vận dụng cơ giới hoá trong công tác kế toán.

***1.3.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán.***

Theo mô hình này, bộ máy kế toán của toàn doanh nghiệp bao gồm phòng kế toán ở đơn vị chính và các tổ (ban) kế toán ở các đơn vị phụ thuộc. Tuỳ theo yêu cầu và mức độ phân cấp hạch toán để xác định cơ cấu các bộ phận kế toán thích hợp.

Mô hình này phù hợp với những doanh ngiệp có quy mô lớn, địa bàn hoạt động phân tán, có nhiều đơn vị phụ thuộc ở xa và hoạt động tương đối độc lập

***1.3.3 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán.***

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán là hình thức tổ chức bộ máy kết hợp hai hình thức tổ chức trên, bộ máy tổ chức theo hình thức này gồm phòng kế toán trung tâm của doanh nghiệp và các bộ phận kế toán và nhân viên kế toán ở các bộ phận khác. Phòng kế toán trung tâm thực hiện kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan toàn doanh nghiệp và các bộ phận khác không tổ chức kế toán, đồng thời thực hiện tổng hợp các tài liệu kế toán từ các

bộ phận khác có tổ chức kế toán gửi đến, lập báo cáo chung toàn đơn vị, hướng dẫn kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, kiểm tra kế toán toàn đơn vị. Các bộ phận kế toán ở các bộ phận khác thực hiện công tác kế toán tương đối hoàn chỉnh các nghiệp vụ kế toán phát sinh ở bộ phận đó theo sự phân công của phòng kế toán trung tâm. Các nhân viên kế toán ở các bộ phận có nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và có thể xử lý sơ bộ chứng từ, định kỳ gửi chứng từ kế toán về phòng kế toán trung tâm.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán này thường phù hợp với những đơn vị có qui mô lớn nhưng các bộ phận phụ thuộc có sự phân cấp quản lý khác nhau thực hiện công tác quản lý theo sự phân công đó.

Như vậy không thể nói mô hình nào có tính ưu việt hơn mà tùy thuộc vào quy mô, và trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp để chọn mô hình tổ chức kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp đó.

# CHƯƠNG 2:

# CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QỦA KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HOÀNG LIÊN

## 2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Hoàng Liên.

### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hoàng Liên.

Cuối năm 2001 nhu cầu thị trường xe máy đang lúc lớn mạnh. Ông nguyễn văn Tươi lúc đó chỉ là 1 công nhân bình thường nhưng ông đã nắm bắt được cơ hội. ông nghĩ rằng linh kiện xe máy ô tô nhập khẩu về giá rất cao trong khi đó nhu cầu về linh kiện, phụ tùng xe máy ô tô của các công ty lắp ráp ngày càng lên cao .Sau hơn một năm tìm hiểu nguồn cung cầu thị trường,nhận thấy đây là cơ hội để phát triển nên Ông Tươi đã quyết định đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh phụ tùng xe máy. Năm 2002 công ty TNHH Hoàng Liên ra đời,đứng dầu là ông Đỗ Văn Tươi hiện là Giám Đốc công ty. Công ty TNHH Hoàng Liên được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy phép đăng kí kinh doanh số : 0202000793 ngày 18 tháng 06 năm 2002.

Với tên giao dịch: CÔNG TY TNHH HOÀNG LIÊN

Hình thức doanh nghiệp: Trách nhiệm hữu hạn

Trụ sở: Số 28 Phạm Tử Nghi , Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.781362

Fax: 031.781362

Tài khoản số: 2112211003056 - Tại ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn- Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200466278

Vốn điều lệ: 8000.000.000 đồng

***Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: Đỗ văn Tươi

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày :19/08/1963 Dân tộc: kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số:031335273

Ngày cấp 21/10/2001 Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: tổ 73 Niệm nghĩa, Quận Lê Chân, Hải Phòng.

Chỗ ở hiện tại: Số 44C Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Hải Phòng.

- 100% Các sản phẩm của công ty TNHH Hoàng Liên sản xuất để bán theo các hợp đồng đã được ký kết quy định rõ ràng về chất lượng cũng như giá cả từng sản phẩm.

- Lĩnh vực kinh doanh : Phụ tùng xe máy. Chủ yếu là sản xuất yên xe máy và cọc lái.

*** Hình thức pháp lý**

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn tự có

-Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi việc làm của công ty.

-Công ty tự hạch toán độc lập, lấy thu bù chi và đảm bảo có lãi.

***Những thuận lợi và khó khăn của công ty:**

***. Thuận lợi:***

**+ Khách quan:**

Công ty TNHH Hoàng Liên đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của ban nghành UBND Thành phố và các Ban ngành đoàn thể. Nguồn vốn hình thành chủ yếu là vay vốn của Ngân hàng Nông Nghiệp Nông Thôn – Hải Phòng. Vì vậy cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty tương đối hiện đại đồng thời có sự chỉ đạo đúng đắn của ban lanh đạo công ty.

Ngoài ra doanh nghiệp còn được hoạt động trong môi trường chính trị ổn định, có hành lang pháp lý tốt để doanh nghiệp có thể đảm bảo thể an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**+ Chủ quan:**

Công ty có đội ngũ lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao,nhiệt tình nên có sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời đưa công ty ngày càng đi lên làm ăn có lãi. Đội ngũ lao động được đào tạo đủ trình độ sản xuất hàng hóa, lao động với tinh thần

tự giác cao, khắc phục được những khó khăn để hoàn tất nhiệm vụ, đồng thời công ty còn có sự đoàn kết thống nhất giữa lãnh đạo và người lao động.

**. Khó khăn**

- Do công ty mới đi vào hoạt động nên chưa có sự tin tưởng của bạn hàng, cũng tại thời điểm đó đã có một số công ty trên địa bàn cả nước kinh doanh mặt hàng này đã thành công và có tiếng vang nên công ty phải tập trung hoàn thiện tốt sản phẩm của mình bằng chất lượng và mẫu mã đẹp để cạnh tranh với các công ty khác.

- Công ty cũng phải chấp nhận việc bán hàng theo phương thức thanh toán chậm dẫn đến tình trạng đọng vốn. Bên cạnh đó việc đầu tư vào mua sắm các thiết bị sản xuất đòi hỏi một lượng vốn lớn khiến công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn. Công ty phải vay vốn ngân hàng với mức lãi suất cao dẫn tới lợi nhuận thấp, và phúc lợi hàng năm không cao.

**2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.**

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được tổ chức theo một cấp ( tập trung).

***Sơ đồ 2.1***: ***Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty*:**

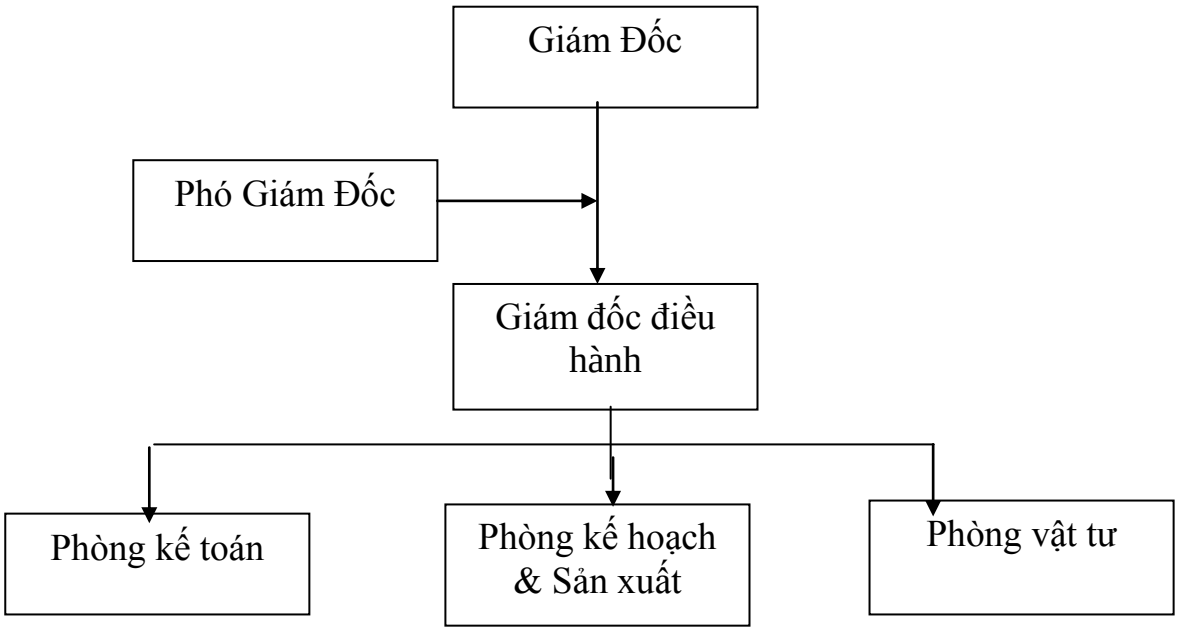


- Giám đốc: là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc: Phụ trách điều hành các hoạt động của công ty. Chức năng nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty

- Phòng kế toán**:** Là bộ phận tham mưu cho Ban giám đốc Công ty về nghiệp vụ, tài chính kế toán, tổ chức hạch toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quá trình luân chuyển vốn, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn cho công ty.

- Phòng tổ chức kế hoạch và sản xuất**:** Tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực tổ chức và lập kế hoạch kinh doanh. Có chức năng quản lý nhân sự, bố trí nhân sự một cách hợp lý theo khoa hoc, bồi dưỡng đào tạo cán bộ công nhân viên, lập kế hoạch lao động tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Tham mưu với ban giám đốc về việc theo dõi, giám sát, quản lý chặt chẽ kế hoạch sản xuất theo đơn đặt hàng của đối tác. Vạch ra kế hoạch khai thác triệt để ưu thế của công ty trong sản xuất để phù hợp với từng thời điểm của thị trường.

- Phòng vật tư**:** phòng vật tư bao gồm kho chứa nguyên vật liệu để sản xuất, nhân viên phòng tư phải quản lý và bảo quản vật tư cẩn thận. khi nhập và xuất vật tư phải viết phiếu nhập kho và xuất kho kịp thời.

**2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình công nghệ.**

Tài sản của Công ty gồm toàn bộ các phương tiện vận chuyển, nhà cửa phân xưởng, máy móc thiết bị tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm.

- Máy tiện cao tần
- Máy phát điện
- Máy ép nhựa
- Máy đột dập
- Máy cưa cần
- Máy mài trục cơ
- Khuôn đổ mút
- Máy ép thủy lực
- Phôi khuôn yên xe máy

Công ty TNHH Hoàng Liên có tài sản độc lập và chịu trách nhiệm về phần vốn vay ngân hàng và vốn vay của các tổ chức tài chính. Đồng thời trong hoạt

động sản xuất kinh doanh thì Ban lãnh đạo Công ty tự do lựa chọn phương án kinh doanh lấy thu bù chi đảm bảo có lãi.

*** Đặc điểm sản xuất**

Do lĩnh vực sản xuất của công ty chỉ cung cấp 2 loại mặt hàng là cọc lái và yên xe máy nên được chia làm 2 phân xưởng sản xuất.

- ***Phân xưởng 1 : Chuyên sản xuất cọc lái***

+ Tại phân xưởng này được chia làm 5 tổ sản xuất: Tổ Hàn, Tổ tiện, Tổ Khoan Taro , Khoan ba lỗ ,Tổ tóp và Tổ hoàn thiện.

+ Quy trình sản xuất được mô tả như sau:

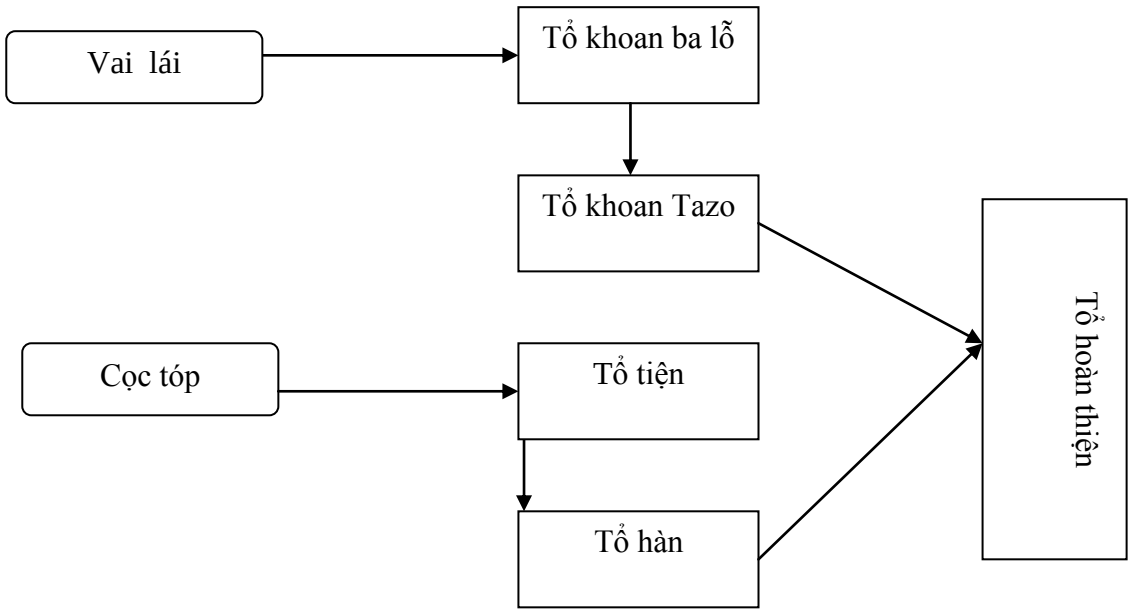


- Vai lái xuất cho Tổ khoan ba lỗ,tại đây tổ này có nhiệm vụ khoan những chiếc vai lái cho đúng kích cỡ để chuyển về tổ khoan Taro.
- Tổ khoan Taro nhận được vai lái từ tổ khoan ba lỗ tiếp tục
- Ống sắt sau khi được cắt đúng đủ chiều dài với khôn mẫu được tổ tiện tiện lại cho vừa khớp với chiếc vai lái.

***- Phân xưởng II: Sản xuất Yên xe máy***

**Yên xe = Da + Xương + Xốp**

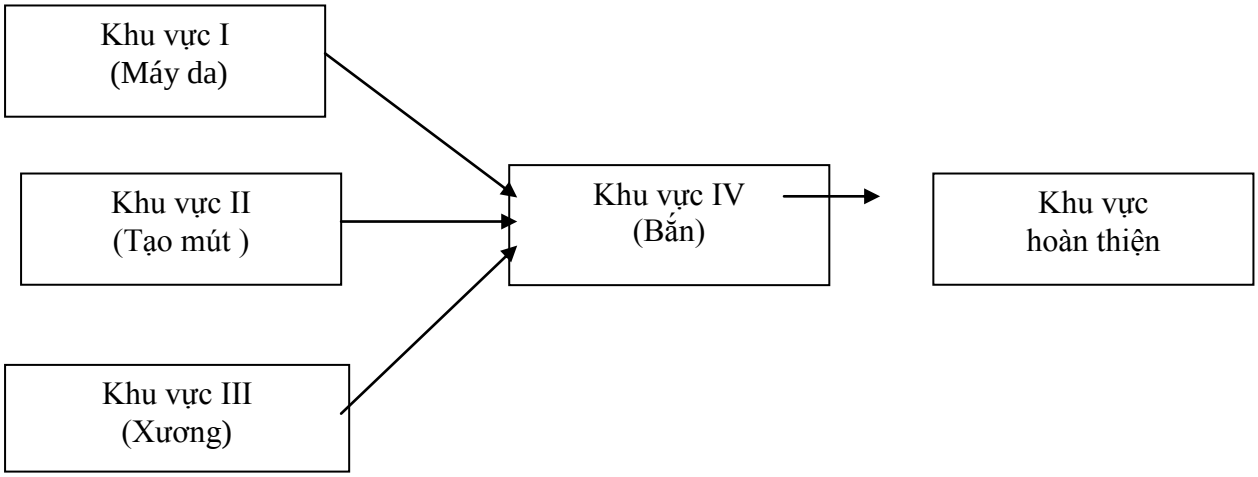


**- Khu vực I: Máy Da**

+ Da nhập về là da cây vì vậy công đoạn đầu tiền là chặt da cho đúng kích cỡ và chủng loại từng loại yên xe.Để cắt những cây da này cần 2 công nhân nam kéo da đúng vào khuôn rồi chỉnh máy cắt da.

+ Da sau khi cắt được đem ra ép cho phẳng rồi chuyển đi máy dâu**.**

**-Khu vực II: Tạo mút**

+ Để tạo được mút cần hóa chất loại hóa chất mà công ty nhập về là Polyete,MDI.

+Dây chuyền tạo mút gồm 15 khuôn của các loại yên xe khác nhau quay vòng sản xuất liên tục cứ 30 phút đổ 1 lần.Đáp ứng tốt công việc tổ này cần 5 người có kinh nghiệm vận hành máy.

**-Khu vực III: Xương**

+ Khu vực này chia làm 3 ca sản xuất.Mỗi ca có 3 người đứng máy.Vì máy chạy xương là loại máy ép nhựa hiện đại,có công suất lớn nên những người đứng máy là những người đã được đào tạo tốt về kĩ thuật.

+ Nguyên liệu chính để tạo xương là nhựa.Nhựa nhập về được pha trộn hạt màu với tỉ lệ quy định,đem đổ lên phễu nhựa sấy trong vòng 1 giờ rồi chạy máy ép.Trung bình mỗi ca máy chạy được từ 1.500 chiếc.Phôi khuôn yên xe máy được đăng kí bản quyền có mẫu HL là kí hiệu tên Hoàng Liên.

+ Toàn bộ xương chạy ra đều phải bắt khóa,ốc vít theo từng loại yên.

VD: xương yên RSX cần có bản lề RSX và móc khóa 2,5p.

**-Khu vực IV: Bắn yên**

Tổ bắn có đủ : da,xương,mút thì bắt đầu bắn ghim.Những người đảm nhiệm công việc này phần lớn là nam giới vì nó yêu cầu độ chính xác tuyệt đối,khéo léo vận dụng lực của bàn tay để kéo tấm da bao kín miếng xốp và xương xe.

***Công đoạn cuối cùng dành cho tổ hoàn thiện*** là bọc túi bóng cho vừa yên và lót giấy để đảm bảo cho chiếc yên trong quá trình vận chuyển không bị sứt sát và rách mép yên.

### 2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

#### 2.1.4.1, mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

***Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung.***

Theo mô hình này, toàn doanh nghiệp tổ chức một phòng kế toán (ở đơn vị chính) làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn doanh nghiệp. Ở các đơn vị phụ thuộc chỉ bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và xử lý sơ bộ chứng từ, gửi các chứng từ về phòng kế toán của doanh nghiệp theo đúng định kỳ.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động tập trung và vận dụng cơ giới hoá trong công tác kế toán.

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

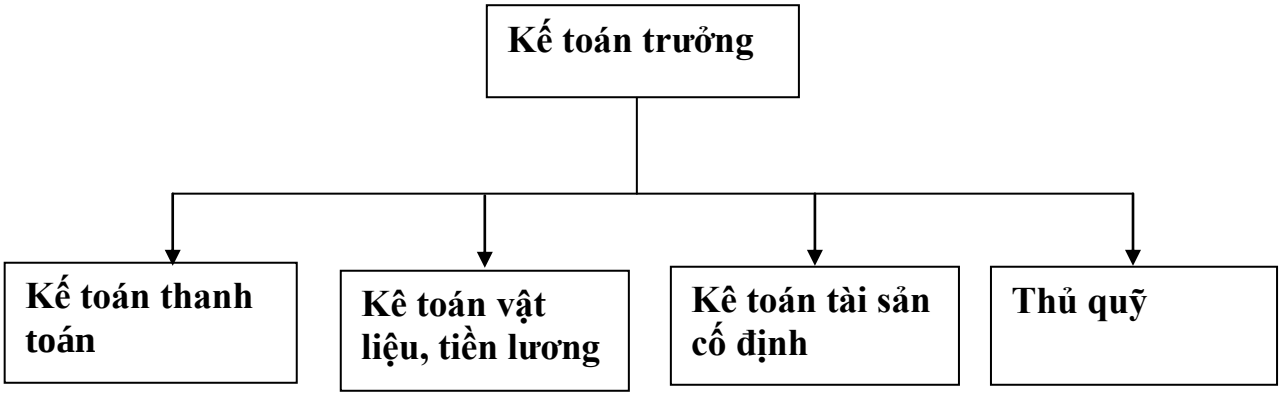


**- kế toán trưởng**: phụ trách chung,điều hành chỉ đạo trực tiếp bộ phận kế toán toàn công ty. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm với ban giám đốc về các nghiệp vụ tài chính. Thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh và theo dõi các số liệu.

- **kế toán thanh toán**: theo dõi cái khoản tiền thu chi của doanh nghiệp, theo dõi và thu hồi tạm ứng, theo dõi hợp đồng kinh tế. Chịu trách nhiệm khóa sổ mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ.

**- Kế toán vật liệu, tiền lương**:theo dõi nhập xuất vật tư, quan hệ thường xuyên với thủ kho để nắm được số lượng vật tư tồn kho và Có nhiệm vụ tính và thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên của công ty, theo dõi và tính các khoản trích theo lương theo chế độ hiện hành.

**- Kế toán tài sản cố định:** theo dõi quản lý TSCĐ, trích KH và phân bổ khấu hao.

**- Thủ quỹ:** có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày..

### *2.1.4.2 Chế độ kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty:*

** Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:*

- Chế độ kế toán công ty TNHH Hoàng Liên áp dụng là theo chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền

- Phương pháp tính giá : bình quân gia quyền

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

Số thuế phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào

Trong đó:

Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ x thuế suất

Thuế GTGT đầu vào = Tổng số thuế GTGT được thanh toán ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào.

** Hệ thống sổ kế toán:*

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán "chứng từ ghi sổ".

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ tại công ty TNHH Hoàng Liên.

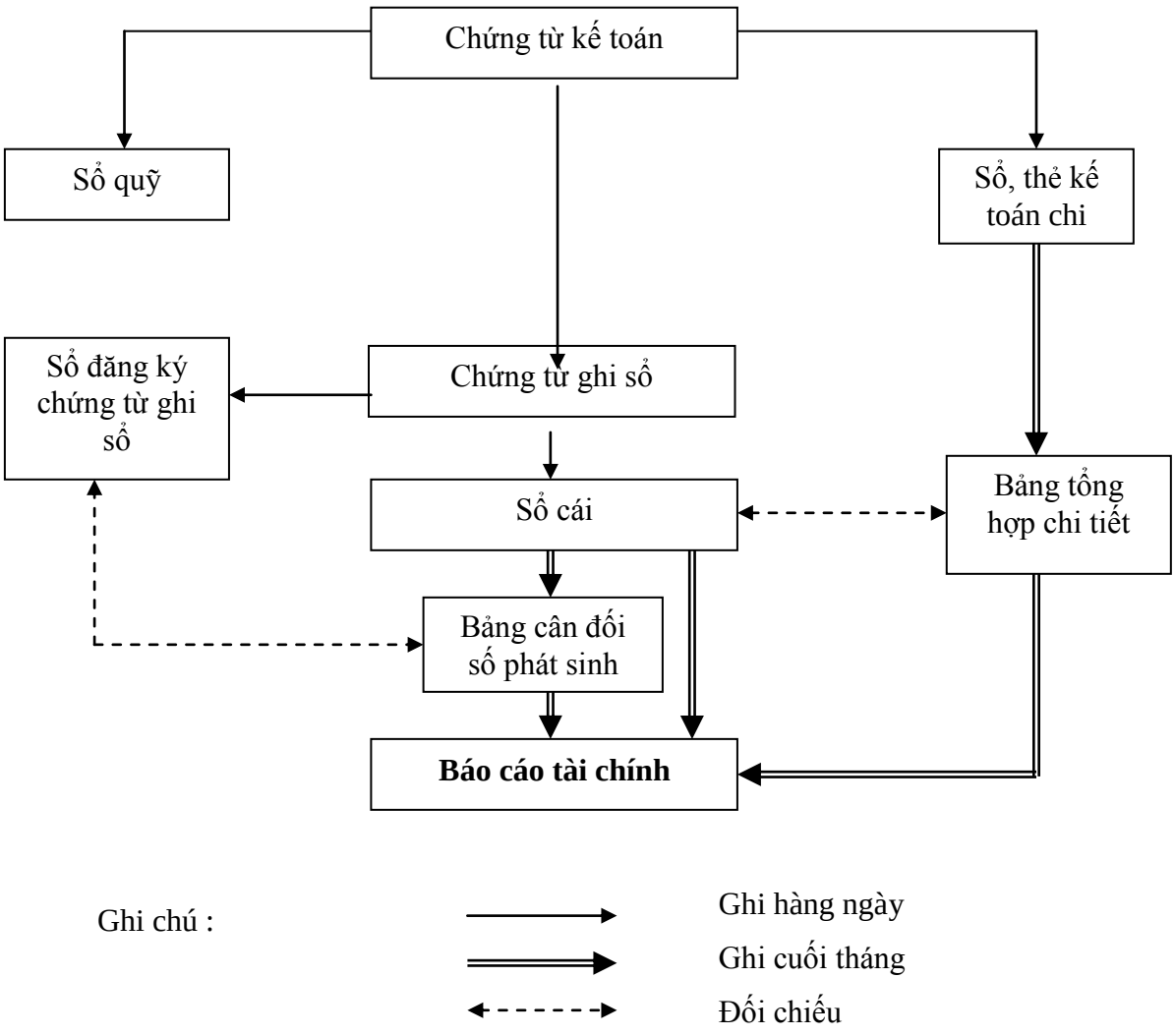


1. Hàng ngày (định kỳ) căn cứ vào chứng từ gốc hợp pháp tiến hành phân loại, tổng hợp để lập chứng từ ghi sổ , ghi sổ quỹ tiền mặt và sổ, thẻ kế toán chi tiết.

2. Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ để lập để lập để ghi vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian sau đó ghi vào sổ cái các tài khoản để hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3. Cuối tháng căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết

4.Cuối tháng căn cứ vào sổ cái tài khoản để lập bảng cân đối số phát sinh

5. Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ caí và bảng tổng hợp số liệu chi tiết, giữa bảng cân đối số phát sinh và sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

6. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp số liệu chi tiết lập các báo cáo kế toán.

** Hệ thống báo cáo kế toán:*

- Báo cáo kế toán của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Báo cáo bao gồm:

  - Báo cáo quyết toán thuế (thuế TNDN, thuế GTGT)
  - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
  - Bảng cân đối kế toán
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  - Thuyết minh báo cáo tài chính

- Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế

## 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Liên năm 2010

### *2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn tại công ty TNHH Hoàng Liên.*

a, Đặc điểm về doanh thu của công ty:

Công ty TNHH Hoàng Liên là đơn vị sản xuất nên doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng hóa.

b, Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ cái TK 131,TK 511, TK111

Ví dụ: Ngày 08/11/2010, xuất kho 300 chiếc yên xe wave bán cho Công ty TNHH công thương Đồng Minh, thuế GTGT 10 %, đơn giá 70.000 đồng/cái

Kế toán viết phiếu xuất kho số 08/11, hoá đơn GTGT số 0076914 , phiếu thu số 79. Kế toán phản ánh trị giá vốn hàng bán, doanh thu hàng bán trong tháng vào các chứng từ ghi sổ; Sổ cái TK 155, TK 511, TK 632; Sổ chi tiết bán hàng; Sổ chi tiết TK 155; Bảng tổng hợp TK 511, TK 155.

***Biểu 2.2.1: Hoá đơn GTGT số 0076914***

**HOÁ ĐƠN** Mẫu số:01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** NG/2010B

Liên 3: Nội bộ 0076914

Ngày 08 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Hoàng Liên.....

Địa chỉ: : 28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản: .....

Điên thoại: .....0313 851388.....MS: | 0 | 2 | 0 | 0 | 4 | 6 | 6 | 2 | 7 | 8 | | | | |

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị An .....

Tên đơn vị: Cty TNHH công thương Đồng Minh .....

Địa chỉ: Số 357km10, Quán Toan - Hải phòng .....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: TM .....MS: | 0 | 2 | 0 | 0 | 9 | 6 | 7 | 5 | 8 | 4 | | | | |

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Bán yên xe máy wave | Chiếc | 300 | 70.000 | 21.000.000 |

Cộng tiền hàng: 21.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 2.100.000

Tổng cộng tiền thanh toán **:** 23.100.000

Số tiền viết bằng chữ: hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

| **Người mua hàng** *(Ký,ghi rõ họ tên)* | **Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)* |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị An | Lê Lan Anh | Đỗ Văn Tươi |

***Biểu 2.2.2: phiếu xuất kho***

Công ty TNHH Hoàng Liên
28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 08 tháng 11 năm 2010
Số: 512

Họ và tên người nhận hàng : Cty TNHH công thương Đồng Minh
Địa chỉ : Số 357km10, Quán Toan - Hải phòng
Lý do xuất kho : xuất kho bán yên xe máy
Xuất tại kho (ngăn lô) : kho vật tư số 1.....

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Yên wave | | Chiếc | 300 | 300 | 55.000 | 16.500.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 300 | 300 | 55.000 | 16.500.000 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):
-Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ 0076914

.....

Ngày 08 tháng 11 năm 2010

| **Người lập phiếu** | **Người nhận hàng** | **Thủ kho** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, hộ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

***Biểu 2.2.3: Phiếu thu số 79***

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên<br>Địa chỉ: : 28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng | **PHIẾU THU**<br>Số 79<br>Ngày 08 tháng 11 năm 2010 | Quyển số:<br>Số:<br>Nợ TK111<br>Có TK511<br>Có TK3331 | Mẫu số: 01-TT<br>(QĐ số:15/2006/QĐ-TC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC) |

Người nộp tiền: Cty TNHH công thương Đồng Minh

Địa chỉ: Số 357km10, Quán Toan - Hải phòng

Lý do nộp: trả tiền mua hàng

Số tiền: 23.100.000

Kèm theo: 01 HĐ GTGT số 0076914 ngày 08/11/2010 ( Chứng từ gốc)

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ): Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 08 tháng 11 năm 2010

| Giám đốc | Phụ trách kế toán | Người lập biểu | Thủ quỹ | Người nộp tiền |
|---|---|---|---|---|
| (Ký tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

**Biểu số 2.2.4:**

Công ty TNHH Hoàng Liên
28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng

# SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

## Năm 2010

| Ngày tháng ghi sổ | Số CT | Diễn giải | TK đối ứng | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ..... | | | | |
| 01/11 | 0076911 | Xuất yên yamaha bán cho NM chế tạo phụ tùng xe máy | 111 | 200 | 50.000 | 10.000.000 |
| 02/11 | 0076912 | Xuất yên xe máy bán cho khách lẻ | 111 | 200 | 67.000 | 13.400.000 |
| 05/11 | 0076913 | Xuất cọc lái bán cho Công ty cp tập đoàn T&T | 111 | 2.286 | 96.000 | 219.469.650 |
| 08/11 | 0076914 | Xuất yên wave bán cho Công ty TNHH Đồng Minh | 111 | 300 | 70.000 | 21.000.000 |
| 12/11 | 0076915 | Công ty TNHH Minh Lan | 112 | 721 | 76.000 | 54.789.000 |
| 24/11 | 0076916 | Công ty cp tập đoàn T&T | 131 | 2.335 | 70.000 | 163.470.000 |
| | | …… | | | | ……... |
| | | Cộng | | | | **482.128.650** |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.2.5:**

Công ty TNHH Hoàng Liên Đơn vị
Địa chỉ: Số 28 Phạm Tử Nghi,
Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**
**Số 01/11**
Ngày 30 tháng 11 năm 2010

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | TK Nợ | TK Có | | |
| …….. | | | | |
| Xuất yên yamaha bán cho NM chế tạo phụ tùng xe máy | 111 | 511 | 10.000.000 | |
| Xuất yên xe máy bán cho khách lẻ | 111 | 511 | 13.400.000 | |
| Xuất cọc lái bán cho Công ty cp tập đoàn T&T | 111 | 511 | 219.469.650 | |
| Xuất yên wave bán cho Công ty TNHH Đồng Minh | 111 | 511 | 21.000.000 | |
| Công ty TNHH Minh Lan | 112 | 511 | 54.789.000 | |
| Công ty cp tập đoàn T&T | 131 | 511 | 163.470.000 | |
| Cộng | | | **482.128.650** | |

*Kèm theo 06 chứng từ gốc*

***Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010***

Người lập
*( Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.2.6**

Công ty TNHH Hoàng Liên Đơn vị
Địa chỉ: Số 28 Phạm Tử Nghi,
Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**
**Số 02/11**
Ngày 30 tháng 11 năm 2010

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | TK Nợ | TK Có | | |
| …….. | | | | |
| Xuất yên yamaha bán cho NM chế tạo phụ tùng xe máy | 632 | 156 | 7.865.000 | |
| Xuất yên xe máy bán cho khách lẻ | 632 | 155 | 10.560.000 | |
| Xuất cọc lái bán cho Công ty cp tập đoàn T&T | 632 | 155 | 172.425.000 | |
| Xuất yên wave bán cho Công ty TNHH Đồng Minh | 632 | 155 | 16.500.000 | |
| Công ty TNHH Minh Lan | 632 | 156 | 43.065.000 | |
| Công ty cp tập đoàn T&T | 632 | 155 | 128.440.714 | |
| Cộng | | | **378.855.714** | |

*Kèm theo 06 chứng từ gốc*

***Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010***

Người lập
*( Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.2.7 (Trích sổ)**

Công ty TNHH Hoàng Liên

28 Phạm Tử Nghi, Nghĩa Xá Lê Chân,HP

Mẫu số S02c1 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ- BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

**(dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày ghi sổ | CT ghi sổ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | - | - |
| | | | ..... | | | |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Xuất yên yamaha bán cho NM chế tạo phụ tùng xe máy | 111 | | 10.000.000 |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Xuất yên xe máy bán cho khách lẻ | 111 | | 13.400.000 |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Xuất cọc lái bán cho Công ty cp tập đoàn T&T | 111 | | 219.469.650 |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Xuất yên wave bán cho Công ty TNHH Đồng Minh | 111 | | 21.000.000 |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Công ty TNHH Minh Lan | 112 | | 54.789.000 |
| 30/11 | 01 | 30/11 | Công ty cp tập đoàn T&T | 131 | | 163.470.000 |
| | | | …….. | | | |
| 30/11 | 03 | 30/11 | Kết chuyển doanh thu | 911 | 482.128.650 | |
| | | | Cộng PS | | **482.128.650** | **482.128.650** |
| | | | DCK | | - | - |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**Biểu số 2.2.8: (Trích sổ)**

Công ty TNHH Hoàng Liên
28 Phạm Tử Nghi, Nghĩa Xá Lê Chân,HP

Mẫu số S02c1 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ- BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.
Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày ghi sổ | CT ghi sổ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | |
| | | | ..... | | | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Xuất yên yamaha bán cho NM chế tạo phụ tùng xe máy | 156 | 7.865.000 | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Xuất yên xe máy bán cho khách lẻ | 155 | 10.560.000 | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Xuất cọc lái bán cho Công ty cp tập đoàn T&T | 155 | 172.425.000 | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Xuất yên wave bán cho Công ty TNHH Đồng Minh | 155 | 16.500.000 | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Công ty TNHH Minh Lan | 156 | 43.065.000 | |
| 30/11 | 02 | 30/11 | Công ty cp tập đoàn T&T | 155 | 128.440.714 | |
| | | | …….. | | …… | |
| 30/11 | 04 | 30/11 | Kết chuyển giá vốn | 911 | 378.855.714 | |
| | | | **Công PS** | | **378.855.714** | **378.855.714** |
| | | | **Dư CK** | | | |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

***2.2.1.2 Kế toán doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính.***

***a. TK sử dụng.***

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

TK 112: Tiền gửi Ngân hàng.

***b. Chứng từ sử dụng.***

Giấy báo có của Ngân hàng

Giấy báo nợ của Ngân hàng

Sao kê tài khoản chi tiết

Các chứng từ khác có liên quan.

Vì số vốn có hạn, Công ty TNHH chỉ chú trọng vào sản xuất kinh doanh, trong quá trình hoạt động Công ty không tham gia các hoạt động đầu tư tài chính như đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản .... Năm 2010 khoản phát sinh khoản trả lãi tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán vào các chứng từ ghi sổ và Sổ Cái TK 112,TK 635.

Ví dụ:

Ngày 30/11/2010 công ty trả tiền lãi vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, số tiền là 9.500.000 đồng.

Căn cứ vào giấy báo nợ của  của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn,  kế toán vào chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 635.

**Biểu số 2.2.9**

NGÂN HÀNG AGRIBANK MÃ GDV: 18809

Mã KH: 1036

GIẤY BÁO NỢ

Ngày :30/11/2010

Kính gửi : Công ty TNHH Hoàng Liên

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 2112211003056

Số tiền bằng số : 9.500.000

Số tiền bằng chữ : chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Nội dung : trả lãi tiền vay ngân hàng.

**Biểu số 2.2.10**

Đơn vị : cty TNHH Hoàng Liên

28 Phạm Tử Nghi, Nghĩa Xá Lê Chân,HP

Mẫu số S02a- DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**
**Số 05**
Ngày 30 tháng 11 năm 2010

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | TK Nợ | TK Có | | |
| …… | | | | |
| Trả lãi ngân hàng Agribanhk | 635 | 112 | 9.500.000 | |
| Trả lãi cho ngân hàng Đầu tư và phát triển | 635 | 112 | 10.500.000 | |
| Trả lãi cho ngân hàng Công Thương | 635 | 112 | 158.000.000 | |
| Trả lãi cho ngân hàng TMCP Hàng Hải | 635 | 112 | 147.011.000 | |
| **Cộng** | | | **325.011.000** | |

*Kèm theo 04 chứng từ gốc*

***Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010***

Người lập
*( Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.2.11: (Trích sổ)**

CÔNG TY TNHH HOÀNG LIÊN

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ- BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính..
Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày ghi sổ | CT ghi sổ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | |
| | | | ..... | | | |
| 30/11 | 05 | 30/11 | Trả lãi cho ngân hàng AGRIBANK | 112 | 9.500.000 | |
| 30/11 | 05 | 30/11 | Trả lãi cho ngân hàng Đầu tư và phát triển | 112 | 10.500.000 | |
| 30/11 | 05 | 30/11 | Trả lãi cho ngân hàng Công Thương | 112 | 158.000.000 | |
| 30/11 | 05 | 30/11 | Trả lãi cho ngân hàng TMCP Hàng Hải | 112 | 147.011.000 | |
| 30/11 | 14 | 30/11 | K/C DT TC<br>XĐKQKD | 911 | | 325.011.000 |
| | | | **Cộng PS** | | **325.011.000** | **325.011.000** |
| | | | **SDCK** | | | |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010.

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

***2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.***

***a. TK sử dụng.***

TK 641: Chi phí bán hàng.

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Và các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

***b. Chứng từ sử dụng.***

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ lương và BHXH.
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Ví dụ: Căn cứ vào bảng tính lương, lương tháng 11 của bộ phận quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành vào Sổ NKC và Sổ Cái TK 642.

**BIỂU SỐ 2.2.12**

**BẢNG DỰ TRÙ PHÂN BỔ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**
**THÁNG 11/2010**
Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê2 Chân-HP

| STT | Đối tượng SD ( Ghi Nợ TK) | Ghi Có các TK | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TK 334 | | | TK 338 | | | | |
| | | Lương | Khoản khác | Cộng có TK 334 | 3382 (KPCĐ) | 3383 (BHXH) | *3384 (BHYT )* | 3388 (BHTN) | Cộng có TK 338 |
| ***1*** | ***TK 622 chính*** | ***335.241.500*** | ***206.275.000*** | ***541.516.500*** | ***6.704.830*** | ***53.638.640*** | ***10.057.245*** | ***3.352.415*** | ***73.753.130*** |
| | -Tổ khoan | 23.010.000 | 20.000.000 | 43.010.000 | 460.200 | 3.681.600 | 690.300 | 230.100 | 5.062.200 |
| | -Tổ bắn | 73.541.000 | 60.000.000 | 133.541.000 | 1.470.820 | 11.766.560 | 2.206.230 | 735.410 | 16.179.020 |
| | -Tổ máy da | 14.785.500 | 3.259.100 | 18.044.600 | 295.710 | 2.365.680 | 443.565 | 147.855 | 3.252.810 |
| | -Tổ xốp | 161.570.000 | 21.275.000 | 182.845.000 | 3.231.400 | 25.851.200 | 4.847.100 | 1.615.700 | 35.545.400 |
| | -Tổ phụ | 11.225.000 | 81.740.900 | 92.965.900 | 224.500 | 1.796.000 | 336.750 | 112.250 | 2.469.500 |
| | -Tổ hàn | 51.110.000 | 20.000.000 | 71.110.000 | 1.022.200 | 8.177.600 | 1.533.300 | 511.100 | 11.244.200 |
| ***3*** | ***TK 627*** | ***23.262.100*** | ***19.601.500*** | ***42.863.600*** | ***465.242*** | ***3.721.936*** | ***697.863*** | ***232.621*** | ***5.117.662*** |
| ***5*** | ***TK 642*** | ***102.172.300*** | ***91.748.900*** | ***193.921.200*** | ***2.043.446*** | ***16.347.568*** | ***3.065.169*** | ***1.021.723*** | ***22.477.906*** |
| | -QLDN | 79.605.600 | 66.446.700 | 146.052.300 | 1.592.112 | 12.736.896 | 2.388.168 | 796.056 | 17.513.232 |
| | -Bảo vệ | 22.566.700 | 25.302.200 | 47.868.900 | 451.334 | 3.610.672 | 677.001 | 225.667 | 4.964.674 |
| ***6*** | ***TK 334*** | | | | | ***27.640.554*** | ***6.910.139*** | ***4.606.759*** | ***39.157.452*** |
| | **TỔNG CỘNG** | **460.675.900** | **317.625.400** | **778.301.300** | **9.213.518** | **101.348.698** | **20.730.415** | **9.213.518** | **140.506.149** |

***Biểu số 2.2.13:***

Công ty TNHH Hoàng Liên Đơn vị
Địa chỉ: Số 28 Phạm Tử Nghi,
Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**
**Số 07/11**
Ngày 30 tháng 11 năm 2010

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | TK Nợ | TK Có | | |
| …….. | | | | |
| Tính lương cho nv ở bộ phận QLDN | 642 | 334 | 193.921.200 | |
| Tính các khoản trích theo lương | 642 | 338 | 22.477.906 | |
| Cộng | | | ***216.399.106*** | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

***Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010***

Người lập
*( Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.2.14: (Trích sổ)**

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1 – DN

( QĐ 15/2006/QĐ- BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày ghi sổ | CT ghi sổ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | - | - |
| | | | ..... | | | |
| 30/11 | 06 | 30/11 | Mua 1 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng | 112 | 1.058.000 | |
| 30/11 | 06 | 30/11 | Mua 1 bình lọc nước | 111 | 154.000 | |
| 30/11 | 06 | 30/11 | Mua bình hoa ở văn phòng | 111 | 189.000 | |
| 30/11 | 07 | 30/11 | Tính lương bộ máy quản lý | 334 | 193.921.200 | |
| 30/11 | 07 | 30/11 | Trích theo lương | 338 | 22.477.906 | |
| | | | Kết chuyển CPQL | 911 | | 217.800.106 |
| | | | Cộng PS | | ***217.800.106*** | ***217.800.106*** |
| | | | Dư Ck | | - | - |

Ngày 30 tháng11 năm 2010

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

**2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

***a, Đặc điểm***

Các hoạt động khác của công ty bao gồm: Thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: "Thu nhập khác"
- TK 811: "Chi phí khác"

Thu nhập khác: Đây là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Chi phí khác: Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định. Trong năm 2010 doanh nghiệp không phát sinh khoản thu nhập khác nào.

***b, Chứng từ, sổ sách sử dụng:***

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811,

***c, Quy trình hạch toán:***

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ sách liân quan: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711, TK 811.

****Ví dụ:*** Ngày 16/11/2010 công ty bán 500kg sắt vụn phế liệu đơn giá 2.500 đồng/kg.

***Biểu 2.2.14: Hoá đơn GTGT số 0076921***

**HOÁ ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3: Nội bộ
Ngày 16 tháng 11 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT -3LL
NG/2010B
0076921

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Hoàng Liên.....

Địa chỉ: : 28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng
Số tài khoản: .....

Điên thoại: .....0313 851388.....MS: | 0 | 2 | 0 | 0 | 4 | 6 | 6 | 2 | 7 | 8 |

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thủy.....

Tên đơn vị: xưởng thu mua phế liệu Hùng Thủy .....

Địa chỉ: số 56/89 dư hàng kênh – Lê Chân – Hải Phòng .....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: TM .....MS:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Phế liệu | kg | 500 | 2.500 | 1.250.000 |
| Cộng tiền hàng: 1.250.00 | | | | | |
| Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 125.000 | | | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán **:** 1.375.000 | | | | | |
| Số tiền viết bằng chữ: một triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng chẵn | | | | | |

| **Người mua hàng** *(Ký,ghi rõ họ tên)* | **Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)* |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị An | Lê Lan Anh | Đỗ Văn Tươi |

***Biểu 2.2.15: Phiếu thu số 97***

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên<br>Địa chỉ: : 28 Phạm Tử Nghi – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng | **PHIẾU THU**<br>Số 97<br>Ngày 16 tháng 11 năm 2010 | Quyển số:<br>Số:<br>Nợ TK111<br>Có TK711<br>Có TK3331 | Mẫu số: 01-TT<br>(QĐ số:15/2006/QĐ-TC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC) |

Người nộp tiền: Hùng Thủy

Địa chỉ: 56/89 Dư Hàng Kênh- Lê Chân- Hải phòng

Lý do nộp: trả tiền mua hàng

Số tiền: 1.375.000

Kèm theo: 01 HĐ GTGT

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ): một triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng chẵn

Ngày 16 tháng 11 năm 2010

| Giám đốc | Phụ trách kế toán | Người lập biểu | Thủ quỹ | Người nộp tiền |
|---|---|---|---|---|
| (Ký tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

***Biểu 2.2.16***

Công ty TNHH Hoàng Liên Đơn vị
Địa chỉ: Số 28 Phạm Tử Nghi,
Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**
**Số 08/11**
Ngày 30 tháng 11năm 2010

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | TK Nợ | TK Có | | |
| …….. | | | | |
| Bán thanh lý phế liệu | 111 | 711 | 1.250.000 | |
| | 111 | 3331 | 125.000 | |
| Cộng | | | ***1.375.000*** | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

***Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010***

Người lập
*( Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.2.17** **(Trích sổ)**

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ- BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 711–thu nhập khác.
Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | - | - |
| | | | **PSTK** | | | |
| 30/11 | 08 | 30/11 | Bán phế liệu …. | 111 | | 1.250.000 |
| 30/11 | 15 | 30/11 | Kết chuyển thu nhập khác | 911 | 1.250.000 | |
| | | | **Cộng ps** | | **1.250.000** | **1.250.000** |
| | | | **Dư ck** | | - | - |

Ngày 30 tháng11 năm 2010

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

**2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

***a. Tài khoản sử dụng.***

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Và các TK khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

***b. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.***

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 642.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch "Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí" kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Ví dụ : doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh của tháng 12/2010

Biểu số 2.2.18 (Trích sổ)

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị : Đồng

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | |
| 31/12 | 09 | 31/12 | Thuế TNDN phải nộp T12 | 3334 | 15.045.222 | |
| 31/12 | 011 | 31/12 | KC CP thuế TNDN T12 | 911 | | 15.045.222 |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **15.045.222** | **15.045.222** |
| | | | **SDCK** | | | |

**Biểu số 2.2.19 : (Trích sổ)**

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1– DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị : Đồng

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | - |
| 31/12 | 08 | 31/12 | KC Giá vốn hàng bán | 632 | 3.506.492.792 | |
| 31/12 | 09 | 31/12 | KC Chi phí hđ tài chính | 635 | 74.002.329 | |
| 31/12 | 10 | 31/12 | KC Chi phí QLDN | 642 | 192.553.003 | |
| 31/12 | 11 | 31/12 | Chi phí thuế TNDN | 821 | 14.983.946 | |
| 31/12 | 12 | 31/12 | KC Lãi | 421 | 44.951.838 | |
| 31/12 | 13 | 31/12 | KC DT BH và CCDV | 511 | | 3.832.983.908 |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **3.832.983.908** | **3.832.983.908** |
| | | | **SDCK** | | - | - |

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**Biểu số 2.2.20 : (Trích sổ)**

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1– DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị : Đồng

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | **105.934.000** |
| 31/12 | 12 | 31/12 | KC lãi tháng 12/2010 | 911 | | 44.951.838 |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | | 44.951.838 |
| | | | **SDCK** | | | **150.885.838** |

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**Biểu số 2.2.21 : (Trích sổ)**

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Liên
Địa chỉ: 28 Phạm Tử Nghi-Nghĩa Xá-Lê Chân-HP

Mẫu số S02c1 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC)
Ngày 20/03/2006

# SỔ CÁI

Tài khoản 3334 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Tháng 12, năm 2010

Đơn vị : Đồng

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **SDDK** | | | |
| 31/12 | 17 | 31/12 | Thuế TNDN T12/2010 | 821 | | 14.983.946 |
| 31/12 | 18 | 31/12 | Nộp thuế TNDN T12 | 111 | 14.983.946 | |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **14.983.946** | **14.983.946** |
| | | | **SDCK** | | | |

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**2.2.3 Tổ chức lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

**Cụ thể: tài liệu kế toán của công ty TNHH Hoàng Liên năm 2010**

| Tổng Doanh thu, thu nhập 2010 | | Tổng Chi phí 2010 | |
|---|---|---|---|
| Nợ TK 511 | : 22.997.903.457 | Nợ TK 911 | : 22.638.288.740 |
| Có TK 911 | : 22.997.903.457 | Có TK 632 | : 21.038.956.752 |
| Nợ TK 711 | : 1.488.618 | Có TK 642 | : 1.155.318.016 |
| Có TK 911 | : 1.488.618 | Có TK 635 | : 444.013.975 |

Đầu mỗi tháng, doanh nghiệp tạm nộp thuế TNDN.Cuối năm dựa trên số thuế TNDN thực tế, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh số thuế TNDN.

*Lợi nhuận trước thuế TNDN = Tổng doanh thu - Tổng chi phí*

*Thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế TNDN * Thuế suất thuế TNDN*

Hiện nay, công ty áp dụng Thuế suất thuế TNDN: 28%

*Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp*

**Tại công ty**

Tổng số thuế TNDN tạm nộp:

Nợ TK 821 :30.000.000
Có TK 3334 :30.000.000

Số thuế TNDN còn phải nộp:

Nợ TK 821 : 60.271.333
Có TK 3334 : 60.271.333

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 911 : 90.271.333
Có TK 821 : 90.271.333

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển lãi:

Nợ TK 911 :270.813.999
Có TK 421 :270.813.999

**Biểu số 2.2.22**

**Mẫu số 02-TT**
(QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | VI.25 | 22.997.903.457 | 23.218.405.745 |
| **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | **02** | | | |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **10** | | 22.997.903.457 | 23.218.405.745 |
| **(10 = 01 – 02)** | | | | |
| **4. Giá vốn hàng bán** | **11** | VI.27 | 21.038.956.752 | 21.724.581.001 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **20** | | 1.958.496.705 | 1.493.824.744 |
| **( 20 = 10 – 11)** | | | | |
| **6. Doanh thu hoạt động tài chính** | **21** | VI.26 | | |
| **7. Chi phí tài chính** | **22** | VI.28 | 444.013.975 | 219.581.960 |
| - Trong đó: Chi phi lãi vay | **23** | | 444.013.975 | 219.581.960 |
| **8. Chi phí bán hàng** | **24** | | | |
| **9. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **25** | | 1.155.318.016 | 987.460.929 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** | | 359.596.714 | 286.781.855 |
| **(30 = 20 + 21 – 22 – 24 - 25)** | | | | |
| **11. Thu nhập khác** | **31** | | 1.488.618 | 789.574 |
| **12. Chi phí khác** | **32** | | | |
| **13. Lợi nhuận khác( 40 = 31 – 32)** | **40** | | 1.488.618 | 789.574 |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | 361.085.332 | 287.571.429 |
| **15. Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **51** | VI.30 | 90.271.333 | 80.000.000 |
| **16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại** | **52** | VI.30 | | |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **60** | | 270.813.999 | 207.571.429 |
| **(60 = 50 – 51-52)** | | | | |
| **18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)** | **70** | | | |

***Lập, Ngày 31 tháng 12 năm 2010***

| *Người lập biểu* | *Kế toán trưởng* | *Giám đốc* |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

# CHƯƠNG 3:

# MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HOÀNG LIÊN

## 3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng liên.

### *3.1.1* Về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Công ty

- Hạch toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Hoàng Liên. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty. Kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng, như cơ quan thuế, ngân hàng… cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

- Về mô hình kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều được tập trung về phòng kế toán chịu sự hướng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Mô hình này đảm bảo được sự giám sát kiểm tra của kế toán trưởng và sự lãnh đạo kịp thời của ban giám đốc. Nhìn chung, các số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng và đúng trình tự. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan được thuận lợi.

- Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng. Cơ cấu này đảm bảo cho việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề quản lý phát sinh trong quá trình điều hành.

**3.1.2, Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2006-2010 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bên vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

– Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quan lý của doanh nghiệp

– Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

– Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

**3.1.3. Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Liên.**

***3.1.3.1. Ưu điểm:***

Kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phần hành kế toán này tại công ty TNHH Hoàng Liên em nhận thấy có những ưu điểm sau:

- Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như: Phiếu thu, Phiếu chi… có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân

chuyển, các chứng từ này được bảo quản, lưu trữ tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành. Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- Về sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán "chứng từ ghi sổ" và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước.Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

- Về phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ cho các cửa hàng nhỏ.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát…

***3.1.3.2. Hạn chế***:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

- ***Về việc sử dụng phần mềm kế toán***: Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa sử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm kế toán Fast, Phần mềm kế toán Admin.

- ***Về Nhân sự phòng kế toán***: Số lượng nhân viên tại phòng kế toán của công ty quá ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại quá nhiều. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về kết quả kinh doanh và chi phí sản xuất.

***- Về tài khoản sử dụng:*** Chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – " Chi phí quản lý doanh nghiệp mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty.

***- Về sổ sách:*** Công ty chưa mở đầy đủ các loại sổ sách đúng như QĐ15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/06/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.Cụ thể, hiện nay công ty chưa mở đủ các sổ chi tiết và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

**3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Liên.**

***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện***

Công ty TNHH Hoàng Liên đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đử theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### *3.2.2. Phương hướng hoàn thiện*

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

***Thứ nhất,*** hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

***Thứ hai,*** hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, hcính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

***Thứ ba,*** hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Hoàng Liên em đã đi tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Em nhận thấy công ty đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng được yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của công ty và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

### *3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Liên*

Sau thời gian thực tập và tìm thực tế tại công ty TNHH Hoàng Liên, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vong sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

***Ý kiến 1***: Nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán của toàn công ty:

+Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp.Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho  các doanh nghiệp.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết( sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

***Ý kiến 2***: Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán. Số lượng nhân viên kế toán của công ty hiện nay còn thiếu so với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên kế toán đều là những cán bộ trẻ, năng động có trình độ chuyên môn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển chung của công ty. Mặt khác, hình thức ghi sổ kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ cho nên quá nhiều sổ sách mất thời gian mà khối lượng công việc lại lớn. Do đó yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty hiện nay là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng sẽ được phân công theo chuyên môn của từng nhân viên. Như vậy sẽ đảm bảo cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

***Ý kiến 3*: Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại.**

Để đẩy nhanh công tác bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền cước dịch vụ, công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

- Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối ký, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 10 ngày thì được hưởng chiết khấu 1% tính trên tổng số tiền đã thanh toán.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 20 ngày thì được hưởng chiết khấu 2% tính trên tổng giá thanh toán.

Khi khách hàng mua với số lượng lớn sản phẩm thì công ty nên cho họ hưởng chiết khấu thương mại để bán được nhiều hàng hơn. Để hạch toán chiết khấu thương mại sử dụng tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại". Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua đươc hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng.

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu cho khách hàng sang tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

***Ý kiến4: Về tài khoản sử dụng***

Để quản lý chi phí một cách chặt chẽ, đánh giá chính xác các khoản mục chi phí cho hoạt động kinh doanh, công ty nên sử dụng chi tiết TK 642 – "Chi phí quản lý doanh nghiệp" theo đúng chế độ để hạch toán riêng các khoản chi phí về:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí khác bằng tiền

Công ty nên sử dụng TK 641 – chi phí bán hàng để hạch toán các khoản chi phí bán hàng như chi phí bao bì, quảng cáo …để theo dõi chặt chẽ hơn.

***Ý kiến 5:*** Công ty nên mở sổ chi tiết đầy đủ.Nhờ vậy, công ty sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết. Công ty nên mở các sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra đối chiếu với bảng cân đối số phát sinh.

# KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất lớn trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Nếu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất tăng thu nhập.

Khoá luận: **"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Liên"** đã giải đáp được các vấn đề sau về doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh:

1, Về mặt lý luận khoá luận đã nêu lên được những nét chính, nét cơ bản về doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

2, Về mặt thực tiễn: Khoá luận đã phán ánh tình hình số liệu, công tác tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Hoàng Liên năm 2010 để chứng minh cho khoá luận.

3, Về những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Hoàng Liên khoá luận đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó nêu ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tập trung vào: Tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán. Tuy nhiên các kiến nghị vẫn mang màu sắc lý luận nhiều hơn, chưa thật bám chắc thực tế, bởi vậy nó chỉ mang tính chất tham khảo.

Với thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu thì rộng, tổng hợp, song được giúp đỡ,tận tình chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Hoàng Liên và sự hướng dẫn nhiệt tình của thạc sĩ Hoàng Thị Ngà đã giúp em hoàn thành được bài khoá luận này. Em xin trân thành cảm ơn!

Sinh viên

**Vũ Thị Huyền**

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kế toán doanh nghiệp ( Nhà xuất bản tài chính )
2. Giáo trình hệ thống kế toán vừa và nhỏ ( Nhà xuất bản tài chính)
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 1 và 2 ( Bộ tài chính )
4. Luận văn tốt nghiệp khoá trước
5. Sổ sách và các tài liệu của công ty
6. Các tài liệu tham khảo khác